

Bản án số 148/2025/HS-PT

Ngày 05/3/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 04 và 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 231/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Phan Mạnh C và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Phan Mạnh C (tên gọi khác: Phan Văn C2); sinh năm 1971, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm Đông Sinh, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tổ dân phố Đông Sinh, phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên); nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp (KCN) Thái Nguyên, Bí thư Đảng bộ các KCN Thái Nguyên, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư thành ủy Thái Nguyên; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phan Thanh Q, con bà Bùi Thị Ch (đều đã chết); có vợ là Đặng Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 17/01/2022; có mặt.

2. Mã Văn H2 (tên gọi khác: Không); sinh năm 1978 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Tổ dân phố Thống Nhất, phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên (nay là

thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Trưởng phòng Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp thuộc Ban quản lý các KCN Thái Nguyên; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Mã Đình V (đã chết), con bà Lưu Thị T; có vợ là Lưu Thị D và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 30/01/2022; có mặt.

3. Nông Quốc T2 (tên gọi khác: Không); sinh năm 1964 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: xóm Hưng Thái, xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (nay là tổ dân phố Hưng Thái, thị trấn Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên); nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Phó Giám đốc phụ trách Ban quản lý dự án hạ tầng KCN Sông Công II - Ban quản lý các KCN Thái Nguyên; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nông Văn M, con bà Bạch Thị M2; có vợ là Hoàng Thị Anh Đ và có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Vũ H3 (tên gọi khác: Không); sinh năm 1986 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Tổ 10, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: Tổ 13, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Nhân viên Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng, Ban quản lý các KCN Thái Nguyên; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Quang T3, con bà Vũ Thị H4; có vợ là Bùi Lan Ph và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Phan Mạnh C:**

- Luật sư Vũ Q2 - Văn phòng luật sư VL, Đoàn luật sư tỉnh Cần Thơ, Chi nhánh tại Hà Nội; địa chỉ: số 135A Âu Cơ, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Luật sư Phan Kế H5 - Công ty luật TNHH BT, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: P.5A tầng P, tòa nhà Thăng Long Tower, số 33 Mạc Thái Tổ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Mã Văn H2:** Luật sư Phan Kế H5 - Công ty luật TNHH BT, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nông Quốc T2:** Luật sư Nguyễn Đức N và luật sư Vũ Văn Ch - Công ty luật TNHH N&P, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 22 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

1. Công ty TNHH Samju Vina; địa chỉ: Khu công nghiệp ĐT - Khu A, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Thị V2 - Trưởng phòng kế toán; có mặt.

2. Công ty TNHH Dongsung Vina; địa chỉ: Khu công nghiệp ĐT - Khu A, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Đặng Thùy D2 - Kế toán; có mặt.

3. Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam; địa chỉ: Khu công nghiệp ĐT - Khu A, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn H6 - Trưởng phòng thiết bị và bà Nguyễn Thị Thùy D3 - Kế toán trưởng; đều có mặt.

4. Công ty TNHH MaNi Hà Nội; địa chỉ: Khu công nghiệp ĐT - Khu A, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Mạnh H7 - Phó Tổng giám đốc; có mặt.

5. Công ty TNHH SS New Tech; địa chỉ: Khu công nghiệp ĐT - Khu A, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Hồng Nh - Trưởng bộ phận hỗ trợ; vắng mặt.

6. Công ty TNHH KC Vina; địa chỉ: Khu công nghiệp ĐT - Khu A, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Đồng Thị H8 - Quản lý văn phòng; có mặt.

7. Công ty TNHH Aju Vina; địa chỉ: Lô CN4, khu công nghiệp ĐT - Khu A, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Quách Thị Mỹ H9 - Trợ lý Tổng Giám đốc; có mặt.

8. Công ty TNHH New One Tech; địa chỉ: Khu công nghiệp ĐT - Khu A, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Mạnh C3 - Trưởng bộ phận Hành chính và bà Nguyễn Thu H10 - Nhân viên pháp chế; đều có mặt.

9. Công ty TNHH WoojinQPD Vina; địa chỉ: Khu công nghiệp ĐT - Khu A, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Hà L, Trợ lý Tổng Giám đốc; có mặt.

10. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố Đông Sinh, phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

11. Bà Lưu Thị D, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Thống Nhất, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:** Công ty Aju Vina, Công ty TNHH Samju Vina, Công ty TNHH Dongsung Vina, Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam, Công ty TNHH MaNi Hà Nội, Công ty TNHH SS New Tech, Công ty TNHH KC Vina, Công ty TNHH WoojinQPD Vina: Luật sư Nguyễn Đức N - Công ty luật TNHH N&P, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên (gọi tắt là Ban quản lý các KCN) được thành lập theo Quyết định số 130/2000/QĐ-TTg ngày 20/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ quan trực thuộc ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thái Nguyên, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp; trụ sở của Ban đặt tại xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN được quy định cụ thể tại Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 20/12/2012, ông Phan Mạnh C - Phó trưởng Ban Quản lý các KCN được UBND tỉnh Thái Nguyên giao phụ trách Ban quản lý các KCN, và từ ngày 17/5/2013 được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Ban quản lý các KCN (tại Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên).

Năm 2011, căn cứ Luật Xây dựng và trên cơ sở đề nghị của các cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng Khu công nghiệp ĐT phần diện tích 180ha (năm 2017 được đổi tên thành Dự án xây dựng KCN ĐT - Khu A) và giao cho Ban quản lý các KCN làm Chủ đầu tư; địa điểm xây dựng: xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình và xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên (nay là phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên; diện tích sử dụng đất 180 ha; tổng mức đầu tư dự án là 1.416.954.886.673 đồng; nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác; hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án; thời gian thực hiện: năm 2012 đến năm 2017 (đã điều chỉnh thời gian thực hiện: năm 2012 đến năm 2023). Tại Điều 2 của Quyết định ghi: “Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh căn cứ Luật xây dựng và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ để triển khai thực hiện theo quy định hiện hành”. Theo đó, Ban quản lý các KCN được UBND tỉnh Thái Nguyên giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng công trình.

Ngày 30/5/2014, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 1078/QĐ-UBND thành lập Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng KCN (gọi tắt là Ban Quản lý Dự án) trực thuộc Ban quản lý các KCN Thái Nguyên. Ban Quản lý Dự án là đơn vị sự nghiệp công lập, có chức năng giúp Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên (chủ đầu tư) thực hiện nhiệm vụ do chủ đầu tư giao và quyền hạn do chủ đầu tư ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình, ký hợp đồng cho thuê lại đất tại KCN ĐT, Phan Mạnh C và một số cá nhân có trách nhiệm thuộc Ban quản lý các KCN đã có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Hành vi “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” trong việc thực hiện gói thầu san lấp mặt bằng mở rộng lô CN3 diện tích 4,5ha tại KCN ĐT - Khu A.

Năm 2013, quá trình triển khai thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng KCN ĐT phần diện tích 180ha, trên cơ sở đề nghị của Ban quản lý các KCN và Tờ trình số 1119 ngày 20/11/2013 của Sở Xây dựng, ngày 29/11/2013 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 2531/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh cục bộ (lần 1) Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KCN ĐT, phần diện tích còn lại 180ha, nội dung điều chỉnh phần diện tích 44.200m² từ đất cây xanh cách ly phía Đông Bắc KCN thành đất công nghiệp xây dựng nhà máy, xí nghiệp, kho tàng và mương thoát nước.

Ngày 13/12/2013, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 2739/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch đấu thầu các gói thầu thực hiện công trình xây dựng hạ tầng KCN ĐT, phần diện tích 180ha, hạng mục: San lấp mặt bằng, mở rộng lô CN3 diện tích 4,5ha, bao gồm 07 gói thầu với tổng kinh phí là 7.605.923.400 đồng, từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn khác; hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu và đấu thầu rộng rãi trong nước (áp dụng với gói thầu: San lấp mặt bằng, mở rộng lô CN3 diện tích 4,5ha), Ban quản lý các KCN là chủ đầu tư. Mục tiêu các gói thầu nhằm tạo ra mặt bằng để cho các doanh nghiệp thuê xây dựng nhà máy, xí nghiệp phục vụ phát triển KCN.

Thực hiện Kế hoạch đấu thầu, Phan Mạnh C - Trưởng Ban Quản lý các KCN đã ký các hợp đồng để thực hiện các gói thầu:

- Hợp đồng tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình số 352/2013/HĐTV ngày 13/12/2013 với Công ty cổ phần tư vấn thiết kế kiến trúc và đầu tư xây dựng Việt Nam (gọi tắt là Công ty AIC), địa chỉ: số 381, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Quyết Th - Giám đốc, hình thức chỉ định thầu, trị giá gói thầu: 37.986.000 đồng.

- Hợp đồng tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình số 363 ngày 23/12/2013 và Hợp đồng tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu số 372 ngày 27/12/2013 với Trung tâm kiểm định chất lượng Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên, địa chỉ: phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đại diện là ông Nguyễn Văn H11 - Giám đốc; hình thức chỉ định thầu, tổng trị giá hai hợp đồng là 29.336.400 đồng.

- Hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình số 386 ngày 31/12/2013 với Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) LB, địa chỉ: tổ Rừng Vầu,

phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, đại diện là ông An Xuân B - Giám đốc, hình thức chỉ định thầu, trị giá 153.535.000 đồng.

- Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05 ngày 23/01/2014 với Công ty TNHH tập đoàn MP, địa chỉ: số 602, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đại diện là ông Phạm Thống Nh2 - Giám đốc, hình thức đấu thầu rộng rãi, trị giá hợp đồng là 7.700.445.018 đồng; hình thức hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh; thời gian thực hiện: 45 ngày.

Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình san lấp mặt bằng, mở rộng lô CN3 diện tích 4,5ha được Ban quản lý các KCN phê duyệt tại Quyết định số 370 ngày 27/12/2013 (ghi nhầm là năm 2012) và hồ sơ trúng thầu gói thầu được phê duyệt số 16 ngày 22/01/2014, thì có tổng khối lượng đào là 135.507,21m³, tổng khối lượng đắp là 61.131,41m³, tổng diện tích mặt bằng phải thi công hoàn thành là 44.215,34m².

Công trình được khởi công ngày 23/01/2014. Đại diện nhà thầu thi công, ông Phạm Thống Nh2 - Giám đốc Công ty TNHH tập đoàn MP giao cho ông Nguyễn Văn Q3 (sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 1, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) là nhân viên công ty làm chỉ huy công trình. Việc tư vấn giám sát thi công, ông An Xuân B - Giám đốc Công ty LB thuê ông Nguyễn Quang H12 (sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 15, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) trực tiếp thực hiện. Về phía Ban quản lý các KCN, giao cho Nông Quốc T2 - Trưởng phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng và Nguyễn Vũ H3 là Nhân viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ giám sát chủ đầu tư đối với gói thầu này. Đến ngày 10/3/2014, hết thời hạn thi công gói thầu là 45 ngày kể từ ngày khởi công, do không thể hoàn thành công trình, Phan Mạnh C - Trưởng Ban quản lý các KCN và ông Phạm Thống Nh2 - Giám đốc Công ty TNHH tập đoàn MP đã ký Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng đến ngày 30/9/2014.

Sau khi UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 thành lập Ban quản lý Dự án (trực thuộc Ban Quản lý các KCN), Phan Mạnh C - Trưởng Ban Quản lý các KCN đã ký Quyết định số 162/QĐ-BQL ngày 09/6/2014 giao nhiệm vụ và ủy quyền cho Ban quản lý Dự án quản lý đầu tư đối với các dự án do Ban quản lý các KCN làm chủ đầu tư, cụ thể: (1) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng KCN ĐT 180ha; (2) Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình; (3) Thực hiện đàm phán ký kết hợp đồng với các nhà thầu; ký hợp đồng thuê lại đất với các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào KCN,... đồng thời, ban hành Quyết định số 163/QĐ-BQL ngày 09/6/2014 về việc phân công công chức của Ban quản lý các KCN kiêm nhiệm tại Ban quản lý Dự án, Quyết định số 01/QĐ-BQLDA ngày 12/6/2014 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban quản lý Dự án, Thông báo số 02/TB-BQLDA ngày 13/6/2014 về việc phân công nhiệm vụ cụ thể trong Ban quản lý Dự án. Theo các văn bản này

và thực tế quá trình thực hiện gói thầu, Nông Quốc T2 - Trưởng phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng Ban quản lý các KCN, kiêm Tổ trưởng Tổ Nghiệp vụ Ban quản lý Dự án và Nguyễn Vũ H3 là Nhân viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng (sau đó là Nhân viên Tổ nghiệp vụ Ban quản lý Dự án) tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giám sát chủ đầu tư đối với gói thầu này.

Quá trình thực hiện gói thầu, Công ty TNHH tập đoàn MP đã lập Nhật ký thi công xây dựng công trình (từ ngày 22/01/2014). Căn cứ khối lượng và tiến độ thi công, chủ đầu tư cùng với tư vấn giám sát và nhà thầu thi công đã lập Biên bản nghiệm thu thanh toán đợt 1 ngày 31/3/2014 và đợt 2 ngày 30/7/2014, với tổng giá trị thanh toán là 7.490.193.837 đồng. Đến ngày 14/8/2014 thì các bên lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Thành phần tham gia và ký vào các biên bản nghiệm thu, gồm: Bên chủ đầu tư là Phan Mạnh C và Nông Quốc T2; đơn vị tư vấn giám sát là ông An Xuân B và ông Nguyễn Quang H12; đơn vị thi công là ông Phạm Thống Nh2 và ông Nguyễn Văn Q3; đơn vị tư vấn thiết kế là ông Nguyễn Quyết Th (chỉ ký biên bản nghiệm thu hoàn thành).

Căn cứ các biên bản nghiệm thu, chủ đầu tư là Ban Quản lý các Dự án và đơn vị thi công là Công ty TNHH tập đoàn MP đã thống nhất lập quyết toán giá trị thi công (quyết toán A-B) là 7.603.729.367 đồng. Công ty TNHH tập đoàn MP đã xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng với giá trị tương ứng (Hóa đơn số 0000222 ngày 08/4/2014, số tiền 5.300.863.207 đồng; Hóa đơn số 0000114 ngày 22/01/2015, số tiền 2.189.330.630 đồng; Hóa đơn số 0000253 ngày 22/9/2016, số tiền 113.535.530 đồng). Phan Mạnh C - Trưởng Ban Quản lý các KCN (đồng thời là Giám đốc Ban Quản lý Dự án) đã ký chứng từ thanh toán cho Công ty TNHH tập đoàn MP số tiền 7.603.729.000 đồng (trong đó, thanh toán trước khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục là 7.300.000.000 đồng; thanh toán sau khi được phê duyệt quyết toán năm 2016, là 303.729.000 đồng).

Sau khi hoàn thành tất cả các gói thầu, ngày 20/02/2016 ông Trần Văn L2 - Phó Giám đốc Ban quản lý Dự án đã ký Báo cáo tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành và chuyển hồ sơ đến Sở Tài chính để thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định. Sau khi thẩm tra, ngày 13/6/2016 ông Nguyễn Minh Q4 - Giám đốc Sở Tài chính đã ký Tờ trình số 1738/TTr-STC gửi UBND tỉnh Thái Nguyên đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Ngày 19/7/2016, ông Nhữ Văn T4 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đã ký Quyết định số 1823/QĐ-UBND phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các gói thầu trên với tổng số tiền là 7.910.018.000 đồng, trong đó nhà thầu thi công là Công ty MP được duyệt thanh toán số tiền 7.603.729.000 đồng.

**** Hành vi vi phạm của các cá nhân ở Ban quản lý các KCN:***

Căn cứ kết quả điều tra và kết luận giám định về tư pháp, xác định: Với trách nhiệm được giao là đại diện chủ đầu tư, Phan Mạnh C, Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện gói thầu để hoàn thành diện tích mặt bằng

44.215,34m² để cho các doanh nghiệp thuê. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các cá nhân trên đã thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng, đầy đủ quy định pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, cụ thể như sau:

- Đã phê duyệt thiết kế, bản vẽ thi công, dự toán công trình khi hồ sơ khảo sát, thiết kế chưa đủ tính pháp lý (chưa tuân thủ theo quy định tại Điều 59 Luật Xây dựng năm 2003 và Điều 10 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình); không gửi hồ sơ thiết kế tới Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên để thẩm tra và không ký, đóng dấu xác nhận vào bản vẽ thiết kế thi công trước khi thi công theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 20 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế xây dựng công trình sau thiết kế cơ sở và việc thẩm tra thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng;

- Không có văn bản thông báo cho các bên liên quan về trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện gói thầu và không yêu cầu đơn vị tư vấn thiết kế điều chỉnh khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế trong quá trình tổ chức thi công theo quy định tại khoản 2 và điểm d khoản 6 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ quy định về trách nhiệm của chủ đầu tư;

- Không đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ quy định về kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng;

- Không có văn bản đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét, quyết định việc gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng thi công mà tự ký Phụ lục hợp đồng gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng thi công với Công ty MP, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ quy định về điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng;

- Không tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 và các văn bản quy định chi tiết việc nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng. Theo các quy định này thì người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng, phải kiểm tra chất lượng công trình tại hiện trường, đối chiếu với yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật, kiểm tra bản vẽ hoàn công,... Nhưng thực tế tại công trình này kết thúc thi công, đại diện chủ đầu tư là Phan Mạnh C, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 không tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng, không kiểm tra đối chiếu bản vẽ hoàn công với kết quả thi công tại hiện trường để nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo quy định pháp luật về xây dựng. Kết quả điều tra xác định tại công trình còn phần khối lượng, diện tích không hoàn thành nhưng Phan Mạnh C vẫn cùng với nhà thầu thi công là ông Phạm Thống Nh2, đơn vị tư vấn giám sát là ông An Xuân B, đơn vị tư vấn thiết kế là ông Nguyễn Quyết Th

ký hồ sơ quyết toán, như: Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng; Bảng quyết toán giá trị thi công công trình (quyết toán A-B)... có tổng khối lượng đã nghiệm thu hoàn thành đúng bằng với khối lượng theo dự toán thiết kế thi công và hồ sơ trúng thầu. Còn bản vẽ hoàn công được ông Nguyễn Văn Q3 photocopy lại từ bản vẽ thiết kế thi công, thể hiện công trình đã hoàn thành toàn bộ khối lượng, diện tích đúng như thiết kế thi công, được ông Phạm Thống Nh2 đại diện nhà thầu thi công, ông Nguyễn Quang H12 tư vấn giám sát ký xác nhận, được Ban quản lý Dự án sử dụng để làm căn cứ đưa vào hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán là không đúng thực tế do công trình không hoàn thành hết toàn bộ khối lượng, diện tích theo thiết kế.

Kết quả giám định xác định tại công trình thi công gói thầu vẫn còn khối lượng đào 26.269,29m³, khối lượng đắp 29,60m³ không được thi công, tương ứng với diện tích 2.347m² không được hoàn thiện mặt bằng theo thiết kế được duyệt.

Những sai phạm của các bị cáo Phan Mạnh C, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 nêu trên là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hậu quả: (1) gói thầu không hoàn thành đúng thiết kế thi công và hồ sơ quyết toán gói thầu; (2) đồng thời làm cho Nhà nước bị thất thu tiền cho thuê đất có hạ tầng đối với phần diện tích không được hoàn thiện mặt bằng (mặc dù trước đó đã có doanh nghiệp ký biên bản thỏa thuận thuê và ứng trước tiền thuê đất nhưng phải trả lại cho doanh nghiệp vì không có đủ mặt bằng cho thuê). Cụ thể:

- Về thiệt hại do không hoàn thành khối lượng theo thiết kế thi công: Kết quả giám định tư pháp xây dựng xác định: Trong phần khối lượng không được thi công, có 26.269,29m³ (phần đào) và 29,60m³ (phần đắp) nằm trong phần khối lượng của thiết kế, dự toán được duyệt và quyết toán đã được thẩm tra, phê duyệt, có giá trị thấp nhất theo kết luận của Giám định viên Sở Tài chính tỉnh là 1.275.758.514 đồng.

- Về thiệt hại do Nhà nước bị thất thu tiền cho thuê đất có hạ tầng đối với phần diện tích không được hoàn thiện mặt bằng: Trước khi thi công gói thầu này (tháng 01/2014), trong phần diện tích 2.347m² nêu trên có 1.058m² đã được Công ty TNHH DongSung Vina (760m²) và Công ty TNHH Samju Vina (298m²) ký thỏa thuận thuê, ứng trước tiền thuê đất cho Ban quản lý các KCN vào tháng 9 và tháng 10/2013, tuy nhiên, do phần diện tích này không được hoàn thành nên Ban quản lý các KCN phải trả lại số tiền doanh nghiệp đã ứng trước tương ứng với phần diện tích thỏa thuận thuê 1.058m² là 675.004.000 đồng (BL 907-1079). Tính đến khi vụ việc được phát hiện (tháng 01/2021), Nhà nước đã bị thất thu số tiền thuê đất đối với phần diện tích này là 07 năm, tính theo đơn giá thuê đất có hạ tầng năm 2014 (đơn giá 870.000đ/m²) là:

$$\frac{2.347\text{m}^2 \times 870.000\text{đ/m}^2}{50 \text{ năm}} \times 7 \text{ năm} = 285.864.600\text{đ}$$

Như vậy, hành vi thiếu trách nhiệm của Phan Mạnh C, Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 đã gây thiệt hại cho Nhà nước với số tiền thấp nhất là 1.561.623.114 đồng (1.275.758.514 đồng + 285.864.600 đồng = 1.561.623.114 đồng).

2. Hành vi “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” trong việc ký hợp đồng cho thuê lại đất tại KCN ĐT - Khu A:

Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án xây dựng KCN ĐT - Khu A, để có nguồn vốn thực hiện Dự án, Phan Mạnh C - Trưởng Ban quản lý các KCN đã ký Công văn số 299/BQL-VP ngày 17/6/2013 gửi UBND tỉnh Thái Nguyên đề nghị 02 nội dung sau:

“1. Đề nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho phép Ban quản lý các KCN được sử dụng toàn bộ số tiền ứng trước tiền thuê đất có hạ tầng nộp một lần của các doanh nghiệp khi đầu tư vào KCN ĐT để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ để thu hút các dự án đầu tư làm phụ trợ cho dự án Tổ hợp công nghệ cao Samsung Thái Nguyên đầu tư vào KCN ĐT phần diện tích 180ha;

2. Đề nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào KCN ĐT phần diện tích 180ha được trừ toàn bộ số tiền ứng trước tiền thuê đất có hạ tầng một lần cho Ban quản lý vào số tiền thuê đất có hạ tầng nộp một lần ngay sau khi hợp đồng thuê lại đất được ký chính thức giữa nhà đầu tư thứ cấp với Ban quản lý”.

Trên cơ sở đề nghị của Ban quản lý các KCN, ông Dương Ngọc L3 - Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đã ký Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 21/6/2013 gửi Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên xin ý kiến về chủ trương trên (chỉ xin ý kiến về chủ trương thứ nhất) và được Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên đồng ý tại Thông báo số 866-TB/TU ngày 25/6/2013 của Văn phòng Tỉnh ủy. Trên cơ sở đó, Ông Dương Ngọc L3 đã ký ban hành Văn bản số 1278/UBND-TH ngày 28/6/2013, cho ý kiến với 04 nội dung như sau:

“1. Đồng ý chủ trương giao Ban quản lý các KCN được vận động và sử dụng toàn bộ số tiền ứng trước tiền thuê đất có hạ tầng nộp một lần của các doanh nghiệp khi đầu tư vào KCN ĐT để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ để thu hút các dự án đầu tư phụ trợ cho dự án Tổ hợp công nghệ cao Samsung Thái Nguyên và các nhà đầu tư khác đầu tư vào KCN ĐT phần diện tích 180ha.

2. Đồng ý chấp thuận chủ trương cho nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào KCN ĐT phần diện tích 180ha được trừ toàn bộ số tiền ứng trước tiền thuê đất có hạ tầng một lần cho Ban quản lý vào số tiền thuê đất có hạ tầng nộp một lần ngay sau khi hợp đồng thuê lại đất được ký chính thức giữa nhà đầu tư thứ cấp với Ban quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên.

3. Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Nguyên và Môi trường, BQL các KCN tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành, trên cơ sở đơn giá thuê đất có hạ tầng xây dựng phương án vận động, quản lý trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

4. Giao BQL các KCN tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan trên cơ sở các quy định hiện hành để tổ chức thực hiện chủ trương trên đạt hiệu quả tốt nhất”.

Theo tiến độ thực hiện Dự án, trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2019, căn cứ đề nghị của Ban quản lý các KCN và Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành 19 Quyết định giao đất cho Ban quản lý các KCN để xây dựng KCN ĐT (Khu A), thời hạn giao đất là 50 năm. Trong tất cả các quyết định giao đất đều ghi: Ban quản lý các KCN Thái Nguyên phải chấp hành đầy đủ chế độ sử dụng đất theo luật định. Theo đó, Ban quản lý các KCN được UBND tỉnh Thái Nguyên giao đất không thu tiền sử dụng đất để đầu tư xây dựng công trình.

Đồng thời, trên cơ sở tham mưu của Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành 05 Quyết định phê duyệt đơn giá thuê đất trả tiền một lần để làm căn cứ tính tiền thuê đất có hạ tầng trả tiền một lần cho cả thời gian thuê 50 năm tại KCN ĐT (Khu A). Cụ thể các quyết định có các mức giá như sau:

- Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 11/10/2012, mức giá 638.000đ/m²/50 năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2013.

- Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 06/3/2014, mức giá 870.000đ/m²/50 năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2014.

- Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 14/7/2016, mức giá 870.000đ/m²/50 năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2016.

- Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 23/02/2017, mức giá 1.080.000đ/m²/50 năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2017.

- Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 22/5/2018, mức giá 1.080.000đ/m²/50 năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2018.

Trong các quyết định trên đều ghi: Mức giá trên là căn cứ để các cơ quan, đơn vị có liên quan tính toán tiền thuê đất tại KCN ĐT (Khu A) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2019, theo đề nghị của các nhà đầu tư, Ban quản lý các KCN đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 60 nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư tại KCN ĐT (Khu A). Trước đó, Ban quản lý các KCN đã ký thỏa thuận với các nhà đầu tư nộp tiền ứng trước tiền thuê đất có hạ tầng 50 năm nộp một lần khi đầu tư vào KCN ĐT (Khu A) cho Ban quản lý. Số tiền ứng trước được

Ban quản lý tính với nhà đầu tư trên cơ sở giá thuê đất có hạ tầng vào thời điểm thỏa thuận, vị trí và diện tích lô đất mà nhà đầu tư đăng ký thuê. Sau khi được UBND tỉnh Thái Nguyên giao đất, Ban quản lý các KCN đã ký hợp đồng cho thuê lại đất. Trong đó có 09 nhà đầu tư sau:

1. Công ty SAMJU MULSAN Hàn Quốc (Doanh nghiệp thực hiện dự án: Công ty TNHH SAMJU VINA)

Biên bản thỏa thuận ngày 05/9/2013, vị trí lô đất CN8-1, diện tích 20.000m², giá thỏa thuận 638.000đồng/m²/50 năm, số tiền ứng trước 12.760.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận đầu tư số 172043000056 ngày 22/10/2013, cấp cho Công ty TNHH SAMJU VINA; dự án: Dự án SAMJU VINA.

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng - dịch vụ công ích hạ tầng KCN ĐT (phần diện tích 180ha) ngày 26/11/2014: vị trí lô đất CN3-3, diện tích 19.371,5622m²; đơn giá 638.000 đồng/m²/50 năm, thành tiền: 12.359.056.683 đồng (giảm 628,4378m² x 638.000đ = 400.943.317 đồng. Ban quản lý các KCN đã trả lại Công ty TNHH SAMJU VINA số tiền này).

2. Công ty TNHH DongSung Tech HK (Doanh nghiệp thực hiện dự án Công ty TNHH Dongsung Vina)

Biên bản thỏa thuận ngày 09/9/2013, vị trí lô đất CN8-4, diện tích 20.000m², giá thỏa thuận 638.000đồng/m²/50 năm, số tiền ứng trước 12.760.000.000 đồng. Biên bản thỏa thuận ngày 15/10/2013 giữa Ban quản lý các KCN với Công ty TNHH DongSung Tech (HK) về việc chuyển vị trí thuê từ CN8-4 sang vị trí CN3-2.

Giấy chứng nhận đầu tư số 172043000055 ngày 21/10/2013, cấp cho Công ty TNHH Dongsung Vina; tên dự án: Dự án DongSung ViNa.

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng - dịch vụ công ích hạ tầng KCN ĐT (phần diện tích 180ha) ngày 29/11/2014; vị trí lô đất CN3-2, diện tích 15.507,44m²; đơn giá 638.000đồng/m²/50 năm, thành tiền 9.893.746.720 đồng (giảm 4.492,56m² x 638.000đ = 2.866.253.280 đồng; Ban quản lý các KCN đã trả lại Công ty TNHH DONGSUNG VINA số tiền này ngày 13/6/2014).

3. Công ty TNHH COREA ELECTRIC TERMINAL (Doanh nghiệp thực hiện dự án: Công ty TNHH COREA ELECTRIC TERMINAL VIỆT NAM)

Biên bản thỏa thuận ngày 27/7/2015, vị trí lô đất CN4, diện tích 40.000m², giá thỏa thuận 870.000 đồng/m²/50 năm, số tiền ứng trước 34.800.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án 7660810777 ngày 25/8/2015; dự án: Nhà máy Ket VINA- Thái Nguyên.

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng - dịch vụ công ích hạ tầng KCN ĐT (phần diện tích 180ha) số 42 ngày 30/5/2017; vị trí lô đất

CN5, diện tích 41.357,06m²; đơn giá 870.000 đồng/m²/50 năm, thành tiền 35.980.642.200 đồng.

4. Công ty TNHH MaNi Hà Nội

Biên bản thỏa thuận ngày 27/7/2015, vị trí lô đất CN6, diện tích 80.000m², giá thỏa thuận 870.000 đồng/m²/50 năm, số tiền ứng trước 69.600.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án 4377416000 ngày 16/9/2015, dự án: Công ty TNHH MaNi Hà Nội - Nhà máy Phở Yên 2.

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng - dịch vụ công ích hạ tầng KCN ĐT (phần diện tích 180ha) số 37/HĐTLĐ ngày 22/3/2017; vị trí lô đất CN6, diện tích 80.432,2m²; đơn giá: 870.000 đồng/m²/50 năm, thành tiền: 69,976,041.000 đồng (phát sinh thêm 432,2m² x 870.000đ = 376.041.000 đồng; Công ty TNHH MaNi Hà Nội đã thanh số tiền này cho Ban Quản lý các KCN ngày 30/3/2017)

5. Công ty TNHH SS NEWTECH

Biên bản thỏa thuận ngày 07/10/2015, vị trí lô đất CN5, diện tích 20.000m², giá thỏa thuận 870.000 đồng/m²/50 năm, số tiền ứng trước 17.400.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án 9848650041 ngày 23/12/2015, dự án: Công ty TNHH SS NEWTECH Việt Nam.

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng - dịch vụ công ích hạ tầng KCN ĐT (phần diện tích 180ha) số 39/HĐTLĐ ngày 26/4/2017: vị trí lô đất CN5-2, diện tích 20.000m²; đơn giá 780.000 đồng/m²/50 năm, thành tiền 17.400.000.000 đồng.

6. Công ty TNHH KCSOL TECH (Doanh nghiệp thực hiện dự án: Công ty TNHH KC VINA).

Biên bản thỏa thuận ngày 16/12/2015, vị trí lô đất CN4, diện tích 5.000m², giá thỏa thuận 870.000 đồng/m²/50 năm, số tiền ứng trước 4.350.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án 8728657727 ngày 28/12/2015, cấp cho Công ty TNHH KC VINA; tên dự án: Dự án Nhà máy sản xuất KC ViNa.

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng - dịch vụ công ích hạ tầng KCN ĐT (phần diện tích 180ha) số 45/ HĐTLĐ ngày 12/9/2017: vị trí lô đất CN4, diện tích 5.000m²; đơn giá 780.000 đồng/m²/50 năm, thành tiền 4.350.000.000 đồng.

7. Ông Lee Chun B2, sinh năm 1957, quốc tịch: Hàn Quốc, hộ chiếu: M20959582 cấp ngày 27/9/2011 (Doanh nghiệp thực hiện dự án: Công ty TNHH AJU VINA).

Biên bản thỏa thuận ngày 15/3/2016, vị trí lô đất CN4, diện tích 15.000m², giá thỏa thuận 870.000 đồng/m²/50 năm, số tiền ứng trước 13.050.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án 5425822042 ngày 18/3/2016, cấp cho Công ty TNHH AJU VINA; tên dự án: NHÀ MÁY SẢN XUẤT AJU VINA.

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng - dịch vụ công ích hạ tầng KCN ĐT (phần diện tích 180ha) số 40/ HĐTLĐ ngày 26/4/2017: vị trí lô đất CN4, diện tích 15.000m²; đơn giá 870.000 đồng/m²/50 năm, thành tiền 13.050.000.000 đồng;

8. Ông Lee Hak 4, sinh năm 1959, quốc tịch Hàn Quốc, hộ chiếu: M65405117 cấp ngày 02/4/2014 (Doanh nghiệp thực hiện dự án: Công ty TNHH NEW ONE TECH).

Biên bản thỏa thuận ngày 01/8/2016, vị trí lô đất CN4, diện tích 10.000m², giá thỏa thuận 870.000 đồng/m²/50 năm, số tiền ứng trước 8.700.000.000 đồng

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án 6558572770 ngày 26/8/2016; dự án: Nhà máy NEW ONE TECH ViNa.

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng - dịch vụ công ích hạ tầng KCN ĐT (phần diện tích 180ha) số 38/HĐTLĐ ngày 26/5/2017: vị trí lô đất CN4, diện tích 10.000m²; đơn giá 870.000 đồng/m²/50 năm, thành tiền 8.700.000.000 đồng.

9. Công ty WOOJINQPD CO., LTD (Doanh nghiệp thực hiện dự án: Công ty TNHH WOOJINQPD Vina)

Biên bản thỏa thuận ngày 22/12/2016, vị trí lô đất CN4, diện tích: 12.000m², giá thỏa thuận 870.000đồng/m²/50 năm, số tiền ứng trước 10.440.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án 4325348377 ngày 13/01/2017, dự án: Nhà máy WOOJINQPD VINA- THÁI NGUYÊN.

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng - dịch vụ công ích hạ tầng KCN ĐT (phần diện tích 180ha) số 55/ HĐTLĐ tháng 12/2018 (không ghi ngày trên hợp đồng): vị trí lô đất CN4, diện tích 12.000m²; đơn giá 870.000 đồng/m²/50 năm, thành tiền 10.440.000.000 đồng.

Trong các Biên bản thỏa thuận ký với các nhà đầu tư nêu trên, có các Biên bản ký với các công ty: Công ty TNHH COREA ELECTRIC TERMINAL và Công ty TNHH MaNi Hà Nội đều ký ngày 27/7/2015, Công ty TNHH SS NEWTECH ký ngày 07/10/2015, Công ty TNHH KCSOL TECH ký ngày 16/12/2015 và ký với Ông Lee Chun B2 ngày 15/3/2016. Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá đất của UBND tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 06/3/2014, thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2014) không còn hiệu lực áp dụng tại thời điểm ký Biên bản thỏa thuận để tính số tiền ứng trước với các nhà đầu tư.

Theo quy định tại Điều 108 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014) quy định về căn cứ và thời điểm tính tiền

thuê đất, thì căn cứ tính tiền cho thuê đất bao gồm diện tích, thời hạn và đơn giá thuê đất (còn hiệu lực áp dụng), thời điểm tính tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước cho thuê đất. Mặc dù biết rõ các quy định của pháp luật về quản lý đất đai, bao gồm căn cứ và thời điểm tính tiền cho thuê đất, thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê 50 năm tại KCN ĐT (Khu A) là phải áp dụng giá đất còn hiệu lực áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng cho thuê đất, điều này được thể hiện rất rõ khi Phan Mạnh C ký Công văn số 58/BQL-ĐTDN ngày 13/02/2014 và Công văn số 483/BQL-ĐT&XNK ngày 02/7/2014 gửi UBND tỉnh Thái Nguyên đề nghị cho phép lấy mức giá tại thời điểm thỏa thuận với các nhà đầu tư (mức giá đã hết hiệu lực áp dụng) làm mức giá để ký hợp đồng cho thuê đất tại thời điểm ký hợp đồng. Sau đó, UBND tỉnh Thái Nguyên không có văn bản đồng ý nhưng Phan Mạnh C vẫn chỉ đạo Mã Văn H2 - Trưởng phòng Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp soạn thảo Hợp đồng cho 09 nhà đầu tư nêu trên thuê lại đất (gồm 02 Hợp đồng năm 2014; 06 Hợp đồng năm 2017; 01 Hợp đồng năm 2018), Phan Mạnh C là người đại diện Ban Quản lý các KCN ký hợp đồng, còn Mã Văn H2 “ký nháy” vào phần cuối hợp đồng. Trong hợp đồng, Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã không áp dụng mức giá cho thuê đất tại Quyết định phê duyệt giá đất của UBND tỉnh Thái Nguyên còn hiệu lực, mà áp dụng mức giá cho thuê đất tại Quyết định phê duyệt giá đất không còn hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng, dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 46.687.673.110 đồng. Cụ thể:

STT	Tên Doanh nghiệp ký hợp đồng thuê đất	Ngày ký hợp đồng	Mức giá trong hợp đồng (đồng)	Giá thuê đất theo QĐ của UBND tỉnh (đồng)	Diện tích (m ²)	Số tiền thiệt hại (đồng)
1	Công ty TNHH Samju Vina	26/11/2014	638.000	870.000	19.371,5622	4.494.202.430
2	Công ty TNHH Dongsung Vina	29/11/2014	638.000	870.000	15.507,44	3.597.726.080
3	Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam	30/05/2017	870.000	1.080.000	41.357,06	8.684.982.600
4	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	22/03/2017	870.000	1.080.000	80.432,2	16.890.762.000
5	Công ty TNHH SS New Tech	26/04/2017	870.000	1.080.000	20.000	4.200.000.000
6	Công ty TNHH KC Vina	12/09/2017	870.000	1.080.000	5.000	1.050.000.000

7	Công ty TNHH Aju Vina	26/04/2017	870.000	1.080.000	15.000	3.150.000.000
8	Công ty TNHH New One Tech	26/05/2017	870.000	1.080.000	10.000	2.100.000.000
9	Công ty WoojinQPD Vina	.../12/2018	870.000	1.080.000	12.000	2.520.000.000
	Tổng cộng					46.687.673.110

* Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 24/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định trưng cầu Giám định viên Sở Tài chính tiến hành giám định tài chính đối với vụ án. Tại Kết luận giám định số 3452/KL-TGD ngày 13/9/2022 của Tổ giám định tư pháp Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên kết luận:

- Khoản ứng trước tiền thuê đất có hạ tầng nộp một lần của các doanh nghiệp khi đầu tư vào KCN ĐT (Khu A) chưa có quy định là khoản thu ngân sách Nhà nước.

- Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên áp dụng đơn giá thuê đất tại các Quyết định phê duyệt giá đất không còn hiệu lực tại thời điểm ký Hợp đồng thuê đất được xác định tại 07 Hợp đồng thuê đất (với 07 tổ chức thuê đất) đã gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, số tiền thiệt hại là 35.482.690.510 đồng.

Ngày 09/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung, trưng cầu Giám định viên Sở Tài chính giám định tài chính để kết luận bổ sung đối với 51 hợp đồng cho thuê đất có hạ tầng nộp một lần, thời hạn 50 năm của Ban quản lý các KCN Thái Nguyên với 46 tổ chức, cá nhân thuê đất tại KCN ĐT (Khu A). Tổ giám định tư pháp Sở Tài chính ban hành bản Kết luận giám định bổ sung số 556/KL-TGD ngày 27/02/2023, kết luận thêm thiệt hại đối với 02 Hợp đồng cho thuê đất với tổng số tiền là 11.204.982.600 đồng.

Đối với các hợp đồng cho thuê đất mà cơ quan giám định chưa có cơ sở kết luận có thiệt hại hay không, Cơ quan điều tra đã ra yêu cầu định giá tài sản đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên tiến hành xác định giá cho thuê đất có hạ tầng nộp một lần 50 năm tại KCN ĐT trong các khoảng thời gian các Quyết định phê duyệt giá đất của UBND tỉnh Thái Nguyên không có hiệu lực thi hành để làm căn cứ trưng cầu giám định thiệt hại. Ngày 13/01/2023, Sở Tài chính - Cơ quan thường trực của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên đã có Văn bản số 112/STC trả lời Cơ quan điều tra: Để thành lập Hội đồng định giá đất trong tổ tụng hình sự, Sở Tài chính phải đề nghị các cơ quan chuyên môn cử người tham gia, tuy nhiên các cơ quan

chuyên môn đều là những cơ quan đã tham gia Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh, trực tiếp thẩm định, định giá đất tại KCN ĐT... đề nghị Cơ quan điều tra xem xét lại việc yêu cầu định giá. Do vậy, quá trình điều tra chưa có căn cứ để xác định thiệt hại đối với các hợp đồng này.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu, gồm:

- Toàn bộ hồ sơ gói thầu: San lấp mặt bằng, mở rộng lô CN3 diện tích 4,5ha, do Ban quản lý các KCN Thái Nguyên cung cấp và các tài liệu liên quan đến việc thực hiện gói thầu này do ông Phạm Thống Nh2 - Giám đốc Công ty TNHH tập đoàn MP cung cấp (được đưa vào hồ sơ vụ án):

- Đồ vật tạm giữ của Phan Mạnh C tại Biên bản bắt bị cáo để tạm giam ngày 17/01/2022: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu ghi, có lắp 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Glaxy A12 màu đen, có lắp 01 sim.

- Đồ vật tạm giữ của Mã Văn H2 tại Biên bản bắt bị cáo để tạm giam ngày 30/01/2022: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SamSung Galaxy S9, màu đen, đã qua sử dụng, có lắp 02 sim.

* Phân dân sự của vụ án:

Quá trình điều tra và truy tố, bị cáo Nông Quốc T2 đã tự nguyện nộp số tiền 60.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Vũ H3 đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bà Đặng Thị H (là vợ Phan Mạnh C) đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo C (đối với tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”; bà Lưu Thị D (là vợ bị cáo Mã Văn H2) đã tự nguyện nộp số tiền 40.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H2.

Cơ quan điều tra đã ra các lệnh kê biên tài sản và phong tỏa tài khoản sau:

- Lệnh kê biên tài sản số 01 ngày 16/01/2022 đối với bị cáo Phan Mạnh C, gồm 05 thửa đất tại tổ dân phố Đông Sinh, phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, gồm: Thửa số 6, tờ bản đồ số 77, diện tích 300m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AQ 123608 ngày 28/12/2007, mang tên Đặng Thị H; thửa số 9, tờ bản đồ số 77, diện tích 300m², GCNQSDĐ số AQ 123607 ngày 28/12/2007, mang tên Đặng Thị H; thửa số 10a, tờ bản đồ số 77, diện tích 900m², GCNQSDĐ số BA 66007 ngày 21/01/2010, mang tên Phan Mạnh C; thửa số 14, tờ bản đồ số 77, diện tích 240m², GCNQSDĐ số BB 122023 ngày 20/4/2010, mang tên Phan Mạnh C và Đặng Thị H; thửa số 1130, tờ bản đồ số 19, diện tích 208m², GCNQSDĐ số CQ 087056 ngày 27/6/2019, mang tên Đặng Thị H;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 01 ngày 15/02/2022 đối với tài khoản của Phan Mạnh C tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thái Nguyên: Tài khoản số 030009649146, số tiền 360.632.265 đồng; tài khoản số 030009649073, số tiền 49.257.004 đồng;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 05 ngày 22/02/2023 đối với tài khoản của Phan Mạnh C tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên: Tài khoản số 8501215015716, số tiền 37.784.233;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 06 ngày 22/02/2022 đối với tài khoản của Phan Mạnh C tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên: Tài khoản số 102871019290, số tiền 5.393.736 đồng;

Tổng cộng số tiền phong tỏa của Phan Mạnh C là 453.067.238 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 07 ngày 22/02/2022 đối với 05 tài khoản của Mã Văn H2 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên, với tổng số tiền là: 627.537.386 đồng (Sáu trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng).

Quá trình điều tra, các bị cáo Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với diễn biến vụ án, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với các bị cáo Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã khai nhận có sai phạm trong việc áp dụng, tính tiền thuê đất đối với phần diện tích 432,2m² thuê thêm tại Hợp đồng đã ký với Công ty TNHH MaNi Hà Nội, gây thất thoát số tiền 90.735.000 đồng, các bị cáo không thừa nhận sai phạm trong việc ký Hợp đồng cho thuê lại đất với 09 doanh nghiệp đối với phần diện tích còn lại, mà cho rằng đã làm theo đúng chủ trương tại Văn bản số 1278/UBND-TH ngày 28/6/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Đối với hạng mục: San lấp mặt bằng, mở rộng lô CN3 diện tích 4,5ha, bị cáo Phan Mạnh C thừa nhận đã không tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình tại hiện trường nên không biết còn phần diện tích và khối lượng không được thi công theo hồ sơ thiết kế và không được ai báo cáo về việc này, tuy nhiên bị cáo cho rằng việc thực hiện, quyết toán hạng mục này không gây thiệt hại cho Nhà nước. Song, căn cứ vào toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở khách quan để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Mạnh C và Mã Văn H2 như nêu ở trên.

Bản Cáo trạng số 46/CT-VKS, ngày 05/6/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo:

- Phan Mạnh C về các tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” và “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, quy định tại khoản 2 Điều 179 và khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự;

- Mã Văn H2 về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự;

- Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”, quy định tại khoản 2 Điều 179 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 179; khoản 3 Điều 219; điểm s, v khoản 1 Điều 51 (áp dụng đối với cả hai tội); Điều 38; Điều 41; khoản 1 Điều 54 (đối với tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”); Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Mạnh C.

- Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 219, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 41 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mã Văn H2;

- Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 179; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Quốc T2;

- Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 179, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 41 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Vũ H3;

- Áp dụng Điều 579, Điều 580, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 128, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269, Điều Điều 299, Điều 326, Điều 327, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo

- Phan Mạnh C phạm các tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”;

- Mã Văn H2 phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”;

- Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 đều phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”;

3. Về hình phạt chính: Xử phạt

- Phan Mạnh C 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”; 09 (Chín) năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội 10 (Mười) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2022.

- Mã Văn H2 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/01/2022.

- Nông Quốc T2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành bản án.

- Nguyễn Vũ H3 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành bản án.

4. Về hình phạt bổ sung:

- Cấm bị cáo Phan Mạnh C đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc trong quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp 03 (Ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Cấm các bị cáo Mã Văn H2, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc trong quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp 02 (Hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Về trách nhiệm dân sự:

5.1. Đối với thiệt hại trong tội “*Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước*”: Buộc các bị cáo Phan Mạnh C, Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền được xác định là 1.561.623.114 đồng. Trong đó:

- Phan Mạnh C phải bồi thường số tiền 780.811.557đ (Bảy trăm tám mươi triệu, tám trăm mười một nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng) (Tương ứng với 50% trên thiệt hại);

- Nông Quốc T2 phải bồi thường số tiền 468.486.934đ (Bốn trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi bốn đồng) (Tương ứng với 30% trên tổng thiệt hại);

- Nguyễn Vũ H3 phải bồi thường với số tiền 312.324.623đ (Ba trăm mười hai triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng) (Tương ứng với 20% trên tổng thiệt hại).

Trong quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo Nông Quốc T2 đã tự nguyện nộp số tiền 60.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Vũ H3 đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, số tiền này được trừ vào khoản tiền mà các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

5.2. Đối với thiệt hại trong tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”:

Buộc 09 công ty (có tên trong danh sách dưới đây) phải nộp hoàn trả lại khoản tiền chênh lệch về giá thuê đất để sung quỹ nhà nước, theo bảng kê cụ thể là:

STT	Tên Doanh nghiệp ký hợp đồng thuê đất	Ngày ký hợp đồng	Mức giá trong hợp đồng (đồng)	Giá thuê đất theo QĐ của UBND tỉnh (đồng)	Diện tích (m ²)	Số tiền thiệt hại (đồng)
1	Công ty TNHH Samju Vina	26/11/2014	638.000	870.000	19.371,5622	4.494.202.430
2	Công ty TNHH Dongsung Vina	29/11/2014	638.000	870.000	15.507,44	3.597.726.080

3	Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam	30/05/2017	870.000	1.080.000	41.357,06	8.684.982.600
4	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	22/03/2017	870.000	1.080.000	80.432,2	16.890.762.000
5	Công ty TNHH SS New Tech	26/04/2017	870.000	1.080.000	20.000	4.200.000.000
6	Công ty TNHH KC Vina	12/09/2017	870.000	1.080.000	5.000	1.050.000.000
7	Công ty TNHH Aju Vina	26/04/2017	870.000	1.080.000	15.000	3.150.000.000
8	Công ty TNHH New One Tech	26/05/2017	870.000	1.080.000	10.000	2.100.000.000
9	Công ty WoojinQPD Vina	.../12/2018	870.000	1.080.000	12.000	2.520.000.000
	Tổng cộng					46.687.673.110

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2024, các bị cáo Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Phan Mạnh C có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 31/01/2024, bị cáo Mã Văn H2 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 29/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H kháng cáo đề nghị xem xét số tiền 50 triệu đồng đã nộp cho Công an tỉnh Thái Nguyên là tiền để khắc phục thiệt hại cho bị cáo Phan Mạnh C.

Ngày 31/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị D kháng cáo đề nghị xem xét số tiền 40 triệu đồng đã nộp cho Công an tỉnh Thái Nguyên là tiền để khắc phục thiệt hại cho bị cáo Mã Văn H2.

Trong các ngày 24, 25, 26, 29, 30, 31/01/2024 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam, Công ty TNHH SS New Teach, Công ty TNHH Samju Vina, Công ty TNHH Dongsung Vina, Công ty TNHH Mani Hà Nội, Công ty TNHH New One Tech, Công ty TNHH Aju Vina, Công ty TNHH KC Vina, Công ty TNHH WoojinQPD Vina kháng cáo không đồng ý hoàn trả số tiền chênh lệch về giá đất theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phan Mạnh C thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm hình phạt sang kháng cáo kêu oan và đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo, bị cáo không phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết.

Bị cáo Mã Văn H2 thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm hình phạt sang kháng cáo kêu oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết.

Bị cáo Nông Quốc T2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Vũ H3 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Bà Đặng Thị H và bà Lưu Thị D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, ghi nhận số tiền các bà đã nộp cho Công an tỉnh Thái Nguyên là để khắc phục thiệt hại cho các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2.

Đại diện 09 Công ty gồm: Công ty TNHH Samju Vina, Công ty TNHH Dongsung Vina, Công ty TNHH Mani Hà Nội, Công ty TNHH Aju Vina, Công ty TNHH KC Vina, Công ty TNHH Korea Electric Terminal, Công ty TNHH SS Newtech, Công ty Woojinpd Vina, Công ty TNHH New One Tech vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các Công ty, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc các Công ty phải hoàn trả số tiền chênh lệch về giá đất để sung quỹ Nhà nước.

Luật sư Phan Kế H5 bào chữa cho bị cáo Phan Mạnh C có quan điểm: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã vi phạm pháp luật về thủ tục trưng cầu giám định tư pháp khi không lựa chọn tổ chức giám định, người giám định đã được công bố trên trang thông tin điện tử của ngành, địa phương tỉnh Thái Nguyên, trường hợp không lựa chọn được thì phải đề nghị Bộ Xây dựng hoặc cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng tại địa phương giới thiệu cá nhân, tổ chức đáp ứng năng lực theo quy định. Cơ quan điều tra đã không làm đúng quy định pháp luật mà ra quyết định trưng cầu trực tiếp cơ quan Sở Xây dựng và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên để các sở này ra quyết định cử Giám định viên là trái pháp luật. Việc giải thích kết luận của Sở Tài chính và Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên là trái với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật giám định tư pháp.

Đối với tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”: Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo C không tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình tại hiện trường nên không biết còn phần diện tích và khối lượng không được thi công là không đúng sự thật khách quan, việc bị cáo C không tổ chức nghiệm thu hoàn thành tại hiện trường là đúng tuy nhiên trong suốt quá trình thi công, bị cáo luôn được nhà thầu là ông Phạm Thống Nh2 báo cáo qua điện thoại về việc gặp sự cố có đá cứng rất khó thi công đồng thời ông Nh2 còn trao đổi về việc đã thuê thêm các máy 800 mã lực để thi công nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn. Theo quy định tại khoản 20.1 Điều 20 Hợp đồng số 05 ngày 22/01/2014 giữa Ban quản lý KCN với Công ty TNHH tập đoàn MP quy định khi một bên rơi vào tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo cho bên kia bằng văn bản trong thời gian sớm nhất có thể. Thực tế, bị cáo C

không nhận được thông báo bằng văn bản mà chỉ nhận được thông tin trao đổi qua điện thoại về sự cố trên, do vậy bị cáo C cho rằng ông Nh2 đã khắc phục xong sự cố vì vậy bên chủ đầu tư không có căn cứ để yêu cầu đơn vị thi công tiến hành thực hiện gói thầu. Theo Kết luận của Giám định viên tài chính ngày 07/6/2021 thì “Công trình xây dựng nêu trên đã được nghiệm thu để đưa vào sử dụng tại Biên bản ngày 14/8/2014... không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, tuổi thọ, mỹ quan của công trình và không gây cản trở cho việc khai thác, sử dụng công trình theo yêu cầu thiết kế như nội dung được quy định tại khoản 5 Điều 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD nên được duyệt và được hiểu là nhà thầu đã thực hiện hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc thuộc phạm vi Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2014/HĐXD ngày 22/01/2014. Do vậy, việc không tiến hành nghiệm thu trên công trường dẫn đến còn tồn tại các phần không được thi công nhưng việc còn tồn tại một số sai sót của thiết kế hoặc khiếm khuyết trong thi công xây dựng không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, tuổi thọ, công năng, mỹ quan của công trình và không gây cản trở cho việc khai thác, sử dụng công trình theo yêu cầu thiết kế thì vẫn được nghiệm thu đưa vào sử dụng là không trái quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt hại do Nhà nước thất thu tiền cho thuê đất có hạ tầng với phần diện tích không được hoàn thiện mặt bằng có mâu thuẫn về nội dung với kết luận giám định khác. Tại Văn bản 4253/SXD-QLXD ngày 31/12/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên xác định 26.269,29m³ (phần đào) và 29,60m³ (phần đắp) nằm trong phần khối lượng phải thi công theo bản vẽ thiết kế và được hiểu nằm trong tổng khối lượng của dự toán thiết kế. Từ văn bản này, Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên ban hành kết luận bổ sung, xác định số tiền 1.275.758.514 đồng đã được thanh toán đối với khối lượng chưa thi công 26.269,29m³ (phần đào) và 29,60m³ (phần đắp) được coi là thiệt hại đối với Nhà nước. Tại Kết luận giám định tư pháp của Bộ Xây dựng ngày 30/12/2021 xác định tại mục 7.6.1 phần khối lượng còn lại chưa thi công 28.251,67m³ là đá cấp III chưa có trong dự toán thiết kế và Hợp đồng thi công xây dựng số 05/2014/HĐXD là một phần của quả đồi đã được đào đi 1 phần, từ đó Giám định viên Bộ Xây dựng kết luận không đủ cơ sở để kết luận hậu quả thiệt hại cho Nhà nước tính bằng tiền. Như vậy, cùng một nội dung giám định là tổng khối lượng 28.351,67m³ chưa thi công nhưng 2 cơ quan giám định cho ra 2 kết luận mâu thuẫn với nhau về việc khối lượng trên đã có hoặc chưa có trong dự toán thiết kế và Hợp đồng thi công xây dựng nhưng cơ quan tiến hành tố tụng lại dựa vào kết luận bất lợi và bỏ qua kết luận có lợi để buộc tội bị cáo gây thiệt hại cho Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo C gây thiệt hại cho Nhà nước khi Nhà nước bị thất thu số tiền cho thuê đất có hạ tầng đối với diện tích không được hoàn thiện mặt bằng 2.347m² và phải trả lại Công ty TNHH Dongsung Vina và Công ty TNHH Samju Vina số tiền ứng trước là 285.864.600 đồng là chưa đúng bởi khi tiến hành khảo sát địa chất, các vị trí khoan của Công ty VCC đều thể hiện địa chất là các lớp đất cấp IV nên trong dự toán, thiết kế đã tính toán ước lượng có hơn 12.000m³ đất cấp IV còn lại các loại đất; đồng thời do xác định sai cao độ của quả đồi đơn vị thẩm định là Trung tâm kiểm định chất lượng Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên không

phát hiện sự khác nhau về cấp đất, đá cần đào giữa thiết kế, dự toán và hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu dẫn đến việc chủ đầu tư và Nhà thầu thi công không thể hoàn thành được gói thầu, đây là sai sót của các bộ phận khảo sát thiết kế, nằm ngoài khả năng nhận biết của bị cáo dẫn đến không có đủ diện tích như thiết kế để bàn giao cho doanh nghiệp thuê. Mặt khác, khoản hoàn trả 285.864.600 đồng cho các doanh nghiệp không có mối quan hệ nhân quả với hành vi của bị cáo. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hành vi của bị cáo C gây thiệt hại 1.275.758.514 đồng và 285.864.600 đồng cho Nhà nước là chưa đủ căn cứ buộc tội bị cáo C, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phan Mạnh C không phạm tội theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật hình sự.

Đối với tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”: Thời điểm thực hiện Dự án KCN ĐT, tỉnh Thái Nguyên không có vốn để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng KCN để thu hút nhà đầu tư nước ngoài, để khắc phục khó khăn đó, bị cáo C với trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị đã nghiên cứu, đề xuất cơ chế cho phép Ban quản lý KCN tỉnh Thái Nguyên vận động, thỏa thuận với các nhà đầu tư trả 100% tiền thuê đất có hạ tầng 50 năm 1 lần theo giá của UBND tỉnh ban hành vào thời điểm thỏa thuận và sử dụng tiền đó bồi thường giải phóng mặt bằng và xây hạ tầng. Sau khi bàn giao đất đã có hạ tầng cho chủ đầu tư thì hai bên ký hợp đồng thuê đất, giá tiền thuê đất trong hợp đồng theo giá đã được ghi trong văn bản thỏa thuận. Chính nhờ sáng kiến này, Ban quản lý KCN đã nhanh chóng tạo được quỹ đất sạch, xây dựng được hạ tầng KCN và thu hút được số lượng lớn các doanh nghiệp đầu tư vào KCN ĐT, tạo những chỉ tiêu kinh tế quan trọng của tỉnh Thái Nguyên thời điểm đó. Toàn bộ số tiền thu được Ban quản lý KCN đều sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, không để xảy ra hiện tượng tham ô, lãng phí, vụ lợi cá nhân. Việc thu, chi số tiền này đều được Sở Tài chính thẩm tra. Khi các cơ quan chức năng thanh tra đều không phát hiện có sai sót gì lớn. Việc thỏa thuận cho thuê đất có hạ tầng 50 năm nộp tiền 1 lần trước khi giao đất của Ban quản lý KCN và các doanh nghiệp là hoạt động kinh tế, dân sự, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên theo kinh tế thị trường. Việc làm này thể hiện sự giám nghĩ, dám làm của Ban quản lý KCN mà người đứng đầu là Phan Mạnh C, với mục đích thu hút đầu tư cho KCN ĐT trong điều kiện UBND tỉnh Thái Nguyên thiếu vốn để bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng đồng bộ hạ tầng KCN ĐT, không nhằm mục đích cá nhân, đồng thời chấp hành nghiêm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thái Nguyên. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 12, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố Phan Mạnh C không có tội và trả tự do cho bị cáo.

Luật sư Vũ Q2 bào chữa cho bị cáo Phan Mạnh C giữ nguyên quan điểm bào chữa cho bị cáo đã trình bày tại cấp sơ thẩm và bổ sung thêm: Đối với tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”: Quá trình thực hiện gói thầu CN3 ở KCN ĐT từ chủ đầu tư Ban quản lý KCN và các đơn vị nhà thầu

có sai phạm nhưng đây là sai phạm thuộc quá trình thực hiện giao kết hợp đồng kinh tế, nói cách khác các nhà thầu không hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của giao dịch kinh tế mà họ đã ký kết với chủ đầu tư nên các nhà thầu phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Dân sự 2015. Do vậy, đề nghị xem xét vụ việc này bằng trình tự, thủ tục pháp luật khác theo đúng tinh thần không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự.

Đối với tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”: Quá trình thực hiện cho thuê lại đất có hạ tầng 50 năm tại KCNĐT, bị cáo C đã thực hiện thực hiện tính tiền thuê đất theo quy định tại Điều 108 Luật đất đai 2013; áp giá thuê đất tại các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đang còn hiệu lực; chưa phát hiện gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, ngược lại còn thu về cho ngân sách của tỉnh. Bị cáo C khi thực hiện nhiệm vụ được giao không có mục đích vụ lợi hoặc mục đích cá nhân khác, chỉ mong muốn tạo điều kiện thuận lợi nhất để sớm thu hút được nhiều nhà đầu tư đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài vào KCN của tỉnh; bị cáo thể hiện tư duy dám nghĩ, dám làm, dám đột phá và dám chịu trách nhiệm trong việc thu hút các nhà đầu tư vào KCN của tỉnh Thái Nguyên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thấu tình đạt lý cho bị cáo Phan Mạnh C.

Luật sư Phan Kế H5 bào chữa cho bị cáo Mã Văn H2 có quan điểm không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc xử phạt bị cáo Mã Văn H2 về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Tại các Hợp đồng thuê đất giữa Ban quản lý KCN và các doanh nghiệp đều ghi nhận “Hợp đồng này và biên bản thỏa thuận thuê lại đất ngày... giữa Ban quản lý các KCN Thái Nguyên và Công ty... là những phần không thể tách rời trong quá trình thực hiện”. Các doanh nghiệp đều sẵn sàng nộp toàn bộ tiền sử dụng đất và chấp nhận thời hạn bắt đầu thuê đất đều diễn ra trước khi ký hợp đồng thuê lại (cách thời điểm lập biên bản thỏa thuận chỉ vài tháng) khi mà giá thuê theo như Cáo trạng cũng như Kết luận điều tra là giá đất cũ - lúc tiến hành thỏa thuận. Tại các lời khai của các doanh nghiệp thuê đất đều thể hiện nội dung “số tiền ứng trước tiền thuê đất là tiền thuê đất nộp một lần, không phải là tiền đặt cọc, không phải là tiền cho vay”. Bị cáo Mã Văn H2 đã vận dụng đúng tinh thần sáng tạo, năng động vì lợi ích chung của Ban quản lý KCN khi mà ngân sách của tỉnh đang còn thiếu phải huy động vốn, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp. Các bị cáo C, Mã Văn H2 là thể hệ khai sáng, từng bước thí điểm để xây dựng cách thức quản lý Ban quản lý KCN nên cần đánh giá toàn diện công lao của bị cáo. Hành vi của bị cáo là để nhằm thu hút đầu tư, bổ sung nguồn vốn cho ngân sách Nhà nước, không vì tư lợi cá nhân, kết quả đạt được cho thấy hoạt động của Ban quản lý KCN phát triển tương đối tốt, phù hợp, đúng với chủ trương, quy hoạch của Chính phủ, nhà đầu tư thuê đất của Ban quản lý phủ kín 95% diện tích đất KCN (theo kết luận thanh tra). Toàn bộ số tiền thu được Ban quản lý KCN đều sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, không để xảy ra hiện tượng tham ô, lãng phí, vụ lợi cá nhân. Việc thu,

chi số tiền này đều được Sở Tài chính thẩm tra. Khi các cơ quan chức năng thanh tra đều không phát hiện có sai sót gì lớn. Việc xác định thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 46.687.673.110 đồng để truy tố bị cáo Mã Văn H2 về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” là không đúng pháp luật, trái với chủ trương của Đảng tại Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính Trị và Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 13, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bị cáo Mã Văn H2 không phạm tội và trả tự do cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Đức N bào chữa cho bị cáo Nông Quốc T2 đồng tình với bản án sơ thẩm về phần tội danh, tuy nhiên về hình phạt đối với bị cáo T2 là quá nặng, bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và trong khung liên kề nhẹ hơn của điều luật theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự vì bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác. Tại cấp sơ thẩm bị cáo cho rằng có hành vi thiếu trách nhiệm nhưng không gây thiệt hại cho Nhà nước, tại cấp phúc thẩm, bị cáo có thay đổi về nhận thức xác định thiệt hại cụ thể, từ đó bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 59 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để xem xét miễn hình phạt cho bị cáo T2, trong trường hợp không thể miễn hình phạt cho bị cáo thì đề nghị xử phạt bị cáo theo khoản 1 Điều 179 Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người đại diện của Công ty TNHH Samju Vina, Công ty TNHH Dongsung Vina, Công ty TNHH Mani Hà Nội, Công ty TNHH Aju Vina, Công ty TNHH KC Vina, Công ty TNHH Korea Electric Terminal, Công ty TNHH SS Newtech, Công ty Woojinqpd Vina đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các Công ty, sửa bản án sơ thẩm, không buộc các Công ty phải hoàn trả số tiền chênh lệch về giá thuê đất để sung quỹ Nhà nước như quyết định của bản án sơ thẩm.

Người đại diện của Công ty TNHH New One Tech cho rằng việc thuê đất của Công ty không xác định thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, không buộc Công ty phải hoàn trả số tiền 2.100.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm; trong trường hợp không chấp nhận thì đề nghị xem xét giảm số tiền phải hoàn trả cho Công ty TNHH New One Tech còn 169.696.969 đồng.

Luật sư Nguyễn Đức N bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho 08 Công ty gồm: Công ty TNHH Samju Vina, Công ty TNHH Dongsung Vina, Công ty TNHH Mani Hà Nội, Công ty TNHH Aju Vina, Công ty TNHH KC Vina, Công ty TNHH Korea Electric Terminal, Công ty TNHH SS Newtech, Công ty Woojinqpd Vina, có quan điểm: Bản án sơ thẩm buộc 08 Công ty phải hoàn trả ngân sách Nhà nước số tiền 44.587.673.110 đồng là không đúng pháp luật, ảnh

hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của 08 Công ty bởi 08 Công ty không có nghĩa vụ phải hoàn trả Nhà nước số tiền trên do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, bản án sơ thẩm vi phạm nguyên tắc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, trái với hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2005/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự “Chỉ người phạm tội mới phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại vật chất do hành vi phạm tội của họ gây ra”. Tòa án cấp sơ thẩm xác định người phạm tội là các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2, chủ sở hữu tài sản bị thiệt hại là UBND tỉnh Thái Nguyên, số tiền thiệt hại hơn 46 tỷ đồng. Theo quy định trên trách nhiệm bồi thường thuộc về các bị cáo. Bản án sơ thẩm vi phạm nguyên tắc tự do thỏa thuận trong hợp đồng dân sự theo Điều 81 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Ban quản lý KCN là cơ quan nhà nước ở địa phương có tư cách pháp nhân, khi tham gia quan hệ dân sự hoàn toàn bình đẳng với các chủ thể khác, việc cho thuê đất được thực hiện dưới hình thức hợp đồng giao kết với doanh nghiệp, không phải là quyết định hành chính. Các Hợp đồng thuê đất với 08 Công ty được các bên tự nguyện giao kết, với giá thuê cố định trong 50 năm trả tiền trước 1 lần, cả 08 Công ty đã thanh toán đủ số tiền thuê đất cho cả thời gian thuê, hợp đồng cũng không có điều khoản về việc các bên đơn phương điều chỉnh giá thuê cho cả thời gian thuê sau này. Bản án sơ thẩm nhận định 08 Công ty được hưởng lợi nên phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 44.587.673.110 đồng là không đúng pháp luật vì việc hưởng lợi trên thực tế (nếu có) của 08 Công ty cũng là hưởng lợi có căn cứ pháp luật xuất phát từ thỏa thuận thuê đất và hợp đồng thuê đất có hiệu lực pháp luật. Do đó không thể áp dụng Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự để buộc các Công ty phải hoàn trả số tiền này. Thời điểm các bên ký kết hợp đồng, cả 08 Công ty không biết và không buộc phải biết giá đất bị Ban quản lý KCN tính sai, đó là trách nhiệm của Ban quản lý KCN, không phải trách nhiệm của các doanh nghiệp. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tác động tiêu cực tới môi trường đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của 08 Công ty nêu trên, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc 08 Công ty phải hoàn trả số tiền 44.587.673.110 đồng cho ngân sách Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Kháng cáo của các bị cáo C, Mã Văn H2, T2, Nguyễn Vũ H3, 09 Công ty, bà H, bà D trong hạn luật định, đủ điều kiện được xem xét tại cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo C, Mã Văn H2 thay đổi nội dung kháng cáo sang kêu oan. Các bị cáo T2, Nguyễn Vũ H3, 09 Công ty, bà H, bà D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

1. Đối với tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”: Hành vi lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán Gói thầu san lấp mặt bằng mở rộng lô

CN3 diện tích 4,5ha thuộc Dự án xây dựng hạ tầng KCN Đầm Thụy phần diện tích 180ha gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Căn cứ lời khai của các bị cáo Phan Mạnh C, Nguyễn Vũ H3, Nông Quốc T2, lời khai của ông Nguyễn Văn Q3, ông Phạm Thống Nh2, ông Nguyễn Quang H12, ông An Xuân B, kết quả đối chất giữa các bị cáo Nông Quốc T2, Phan Mạnh C, kết luận giám định xây dựng, Báo cáo kết luận giám định tư pháp xây dựng ngày 26/3/2021; Kết luận giám định bổ sung (lần 2) của giám định viên tư pháp tài chính ngày 31/12/2021, đã có đủ cơ sở kết luận: Hạng mục san lấp mặt bằng, mở rộng lô CN3 diện tích 4,5ha thuộc Dự án xây dựng hạ tầng KCN ĐT do Ban quản lý KCN là chủ đầu tư; Công ty TNHH Tập đoàn MP do ông Phạm Thống Nh2 - Giám đốc là Nhà thầu thi công, Công ty TNHH LB do ông An Xuân B - Giám đốc là đơn vị tư vấn giám sát thi công. Quá trình thi công san lấp, do gặp phải đá cứng, Công ty TNHH Tập đoàn MP không thực hiện được việc san lấp diện tích 2.347m² mặt bằng cần phải thi công gói thầu với khối lượng đào 26.269,29m³ và 29,60m³ khối lượng đắp. Các bị cáo Phan Mạnh C, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 và ông Phạm Thống Nh2, ông Nguyễn Văn Q3 (Chỉ huy trưởng thi công của nhà thầu thi công), ông Nguyễn Quang H12 và ông An Xuân B (đơn vị tư vấn giám sát) đều biết việc Nhà thầu chưa hoàn thành thi công theo thiết kế nhưng vẫn tiến hành lập biên bản nghiệm thu đợt 2, Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, dẫn đến Nhà thầu thi công được thanh toán khối lượng chưa thi công có giá trị là 1.275.578.514 đồng.

Hành vi của các bị cáo Phan Mạnh C, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 và hành vi của các cá nhân có trách nhiệm trong việc thi công, giám sát thi công và nghiệm thu công trình thuộc Nhà thầu thi công, đơn vị giám sát có dấu hiệu cấu thành tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 224 Bộ luật hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phan Mạnh C, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” theo Điều 179 Bộ luật hình sự là không đúng. Ngoài ra, việc cấp sơ thẩm không xem xét khởi tố, điều tra đối hành vi vi phạm của các cá nhân có quyền hạn, trách nhiệm thuộc nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn giám sát và cả đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế (nếu có vi phạm) là bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Vì vậy, cần hủy một phần bản án sơ thẩm về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” để điều tra lại theo hướng khởi tố điều tra hành vi của các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 224 Bộ luật hình sự, đồng thời xem xét khởi tố, điều tra đối với các cá nhân thuộc nhà thầu thi công (ông Phạm Thống Nh2, ông Nguyễn Văn Q3), đối với các cá nhân thuộc đơn vị tư vấn giám sát (ông An Xuân B, ông Nguyễn Quang H12) và các cá nhân khác thuộc đơn vị tư vấn khảo sát thiết kế liên quan.

2. Đối với tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”: Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án xây dựng KCN ĐT - Khu A, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2019, theo đề nghị của các nhà đầu tư, Ban quản lý KCN đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 60 nhà đầu tư để thực hiện các dự án đầu tư.

Trước đó, Ban quản lý KCN đã ký thỏa thuận với các nhà đầu tư nộp tiền ứng trước tiền thuê đất có hạ tầng 50 năm nộp một lần khi đầu tư vào KCN ĐT (Khu A) cho Ban quản lý số tiền ứng trước được Ban quản lý tính với nhà đầu tư trên cơ sở giá thuê đất có hạ tầng vào thời điểm thỏa thuận. Sau khi được UBND tỉnh Thái Nguyên giao đất, Ban quản lý KCN đã ký hợp đồng cho 09 nhà đầu tư thuê lại đất.

Trong các Biên bản thỏa thuận ký với các nhà đầu tư, có các Biên bản ký với các công ty: Công ty TNHH COREA ELECTRIC TERMINAL và Công ty TNHH MANI Hà Nội đều ký ngày 27/7/2015, Công ty TNHH SS NEWTECH ký ngày 07/10/2015, Công ty TNHH KCSOL TECH ký ngày 16/12/2015 và ký với ông Lee Chun B2 ngày 15/3/2016. Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá đất của UBND tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 06/3/2014, thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2014) không còn hiệu lực áp dụng tại thời điểm ký Biên bản thỏa thuận để tính số tiền ứng trước với các nhà đầu tư.

Theo Điều 108 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014), căn cứ tính tiền cho thuê đất bao gồm diện tích, thời hạn và đơn giá thuê đất (còn hiệu lực áp dụng), thời điểm tính tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước cho thuê đất. Mặc dù biết rõ các quy định của pháp luật về quản lý đất đai, bao gồm căn cứ và thời điểm tính tiền cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê 50 năm tại KCN ĐT (Khu A) là phải áp dụng giá đất còn hiệu lực áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng cho thuê đất. Điều này được thể hiện rõ khi Phan Mạnh C ký Công văn số 58/BQL-ĐTDN ngày 13/02/2014 và Công văn số 483/BQL-ĐT&XNK ngày 02/7/2014 gửi UBND tỉnh Thái Nguyên đề nghị cho phép lấy mức giá tại thời điểm thỏa thuận với các nhà đầu tư (mức giá đã hết hiệu lực áp dụng) làm mức giá để ký hợp đồng cho thuê đất tại thời điểm ký hợp đồng. Sau đó, UBND tỉnh Thái Nguyên không có văn bản đồng ý nhưng Phan Mạnh C vẫn chỉ đạo Mã Văn H2 - Trưởng phòng Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp soạn thảo Hợp đồng cho 09 nhà đầu tư nêu trên thuê lại đất (gồm 02 Hợp đồng năm 2014; 06 Hợp đồng năm 2017; 01 Hợp đồng năm 2018), Phan Mạnh C là người đại diện Ban quản lý KCN ký hợp đồng, còn Mã Văn H2 “ký nháy” vào phần cuối hợp đồng. Trong hợp đồng, Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã không áp dụng mức giá cho thuê đất tại Quyết định phê duyệt giá đất của UBND tỉnh Thái Nguyên còn hiệu lực, mà áp dụng mức giá cho thuê đất tại Quyết định phê duyệt giá đất không còn hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng. Kết luận giám định số 3452/KL-TGD ngày

13/9/2022 của Tổ giám định tư pháp Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên đã kết luận: Ban quản lý KCN Thái Nguyên áp dụng đơn giá thuê đất tại các Quyết định phê duyệt giá đất không còn hiệu lực tại thời điểm ký Hợp đồng thuê đất, xác định tại 07 Hợp đồng thuê đất (với 07 tổ chức thuê đất) đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, số tiền là 35.482.690.510 đồng. Tại Kết luận giám định bổ sung số 556/KL-TGD ngày 27/02/2023, kết luận thêm thiệt hại đối với 02 Hợp đồng cho thuê đất với tổng số tiền là 11.204.982.600 đồng, tổng cộng số tiền thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 46.687.673.110 đồng. Từ đó xét xử các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2 về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo khoản 3 Điều 219 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy, kháng cáo kêu oan của các bị cáo Phan Mạnh C và Mã Văn H2 là không có cơ sở chấp nhận.

3. Đối với kháng cáo của 09 Công ty đã ký hợp đồng thuê đất về phân trách nhiệm dân sự: Theo Điều 108 Luật Đất đai 2013, căn cứ tính tiền cho thuê đất bao gồm diện tích, thời hạn và đơn giá thuê đất (còn hiệu lực áp dụng), thời điểm tính tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước cho thuê đất. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giá cho thuê đất do Nhà nước quy định tại thời điểm các Công ty ký hợp đồng thuê đất để xác định trách nhiệm của các doanh nghiệp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các Công ty không đưa ra yêu cầu về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các Công ty không đưa ra được các tài liệu chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của 09 Công ty.

4. Đối với kháng cáo của bà Đặng Thị H (vợ bị cáo C) và bà Lưu Thị D (vợ bị cáo Mã Văn H2) về số tiền bà H đã nộp 50.000.000 đồng, bà D đã nộp 40.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đối với số tiền này Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã chuyển sang Tòa án theo Quyết định chuyển vật chứng số 46 ngày 05/6/2023. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không đồng ý việc nộp các khoản tiền này để khắc phục thiệt hại nên Tòa án cấp sơ thẩm trả lại là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2 và bà Đặng Thị H (vợ bị cáo C), bà Lưu Thị D (vợ bị cáo Mã Văn H2) đồng ý nộp số tiền nêu trên để khắc phục hậu quả cho các bị cáo. Vì vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà H, bà D, ghi nhận việc các bà nộp số tiền nêu trên để khắc phục hậu quả cho các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 355, Điều 357, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2; không chấp nhận kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự của 09 Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Ban quản lý KCN; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm bị kháng cáo nêu trên; chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị H và bà Lưu Thị D, ghi nhận bà Đặng Thị H (vợ bị cáo C) đã nộp 50.000.000 đồng và bà Lưu Thị D (vợ bị cáo Mã Văn H2) đã nộp 40.000.000

đồng để khắc phục hậu quả thiệt hại; hủy một phần bản án sơ thẩm về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” đối với các bị cáo Phan Mạnh C, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 để điều tra lại theo hướng xác định hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”, đồng thời khởi tố, điều tra đối với các cá nhân thuộc nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế có liên quan đến việc thi công, giám sát thi công và nghiệm thu công trình để tránh bỏ lọt tội phạm.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công tâm, khách quan và áp dụng chính sách pháp luật có lợi cho các bị cáo; các bị cáo Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Phan Mạnh C có khiếu nại về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và đã được giải quyết bằng các quyết định giải quyết khiếu nại, trả lời cho bị cáo.

Đối với các bị cáo khác và các luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3, bà Đặng Thị H, bà Lưu Thị D, Công ty TNHH Samju Vina, Công ty TNHH Dongsung Vina, Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam, Công ty TNHH Mani Hà Nội, Công ty TNHH SS Newtech, Công ty TNHH KC Vina, Công ty TNHH Aju Vina, Công ty TNHH Newone Tech, Công ty TNHH WoojinQPD Vina làm trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Đối với tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản Nhà nước”:

Căn cứ vào toàn bộ chứng cứ, tài liệu đã được thu thập đúng trình tự tố tụng và lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

Các bị cáo Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 là người có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện gói thầu để hoàn thành diện tích mặt bằng để cho các doanh nghiệp thuê. Trong đó, Nông Quốc T2 là Trưởng phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Nguyễn Vũ H3 là Nhân viên Ban quản lý KCN đã có hành vi thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, nghiệm thu hoàn thành công trình và lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với gói thầu khi vẫn còn phần diện tích ($2.347m^2$) và khối lượng (gồm $26.269,29m^3$ phần đào và $29,6m^3$ phần đắp) chưa được thi công hoàn thành như hồ sơ thiết kế thi công và quyết toán đã được thẩm tra, phê duyệt, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền thấp nhất là 1.561.623.114 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 đều đã khai nhận rõ hành vi sai phạm của mình, tuy nhiên các bị cáo đều xác định không gây thiệt hại. Lời khai nhận của các bị cáo đã phù hợp với nhau và phù hợp với diễn biến vụ án, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố, xét xử các bị cáo Phan Mạnh C, Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” theo quy định tại khoản 2 Điều 179 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Phan Mạnh C trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/9/2023, phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai báo và thừa nhận có sai phạm, có thiếu trách nhiệm trong công tác lãnh đạo quản lý trong quá trình thực hiện dự án san lấp mặt bằng, mở rộng lô CN3 diện tích 4,5ha thuộc Dự án xây dựng KCN ĐT (Khu A), như: Không tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình tại hiện trường nên không biết còn phần diện tích và khối lượng không được thi công theo hồ sơ thiết kế và không được ai báo cáo về việc này. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng việc thực hiện, quyết toán hạng mục này không gây thiệt hại cho Nhà nước và không phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Căn cứ vào toàn bộ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự pháp luật tố tụng hình sự, căn cứ vào kết quả vào thẩm tra, đánh giá chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa để xác định hành vi của bị cáo có các dấu hiệu phạm tội như sau: Trong quá trình thực hiện dự án, với trách nhiệm được giao là Trưởng Ban quản lý dự án, đại diện chủ đầu tư, bị cáo Phan Mạnh C đã có hành vi thiếu trách nhiệm thể hiện bằng việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nhiệm vụ giao như: Phê duyệt thiết kế, bản vẽ thi công, dự toán công trình khi lập hồ sơ khảo sát, thiết kế chưa đủ tính pháp lý; không gửi hồ sơ thiết kế tới Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên để thẩm tra và không ký, đóng dấu xác nhận vào bản vẽ thiết kế thi công trước khi thi công theo quy định; Không có văn bản thông báo cho các bên liên quan về trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện gói thầu và không yêu cầu đơn vị tư vấn thiết kế điều chỉnh khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế trong quá trình tổ chức thi công; Không đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu

trước khi đưa công trình vào sử dụng; Không có văn bản đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét, quyết định việc gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng thi công mà tự ký Phụ lục hợp đồng gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng với nhà thầu thi công. Ngoài ra, bị cáo Phan Mạnh C còn có hành vi không tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình, không kiểm tra đối chiếu bản vẽ hoàn công với kết quả thi công tại hiện trường để nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Do những sai phạm nêu trên dẫn đến việc công trình còn phần khối lượng, diện tích không hoàn thành theo hồ sơ thiết kế, dự toán đã được phê duyệt, nhưng Phan Mạnh C vẫn cùng với nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị tư vấn thiết kế ký các thủ tục lập hồ sơ quyết toán như: Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng; Bảng quyết toán giá trị thi công công trình (quyết toán A-B)... có tổng khối lượng đã nghiệm thu hoàn thành đúng bằng với khối lượng theo dự toán thiết kế thi công và hồ sơ trúng thầu... được Ban quản lý Dự án sử dụng để làm căn cứ đưa vào hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán là không đúng thực tế do công trình không hoàn thành hết toàn bộ khối lượng, diện tích theo thiết kế.

Hành vi thiếu trách nhiệm của Phan Mạnh C dẫn đến việc vẫn còn khối lượng đào $26.269,29\text{m}^3$ và khối lượng đắp $29,60\text{m}^3$ không được thi công, tương ứng với diện tích 2.347m^2 không được hoàn thiện mặt bằng theo thiết kế được duyệt. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hậu quả: Gói thầu không hoàn thành đúng thiết kế thi công, hồ sơ quyết toán gói thầu và làm cho Nhà nước bị thất thu tiền cho thuê đất có hạ tầng đối với phần diện tích không được hoàn thiện mặt bằng (đã có doanh nghiệp ký biên bản thỏa thuận thuê và ứng trước tiền thuê đất nhưng phải trả lại tiền cho doanh nghiệp vì không có đủ mặt bằng cho thuê); gây thiệt hại cho Nhà nước, cụ thể:

- Thiệt hại do không hoàn thành khối lượng theo thiết kế thi công được xác định có giá trị thấp nhất theo Kết luận của Giám định viên Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên là 1.275.758.514 đồng.

- Thiệt hại do Nhà nước bị thất thu tiền cho thuê đất có hạ tầng đối với phần diện tích không được hoàn thiện mặt bằng được xác định trước khi thi công gói thầu này (tháng 01/2014), trong phần diện tích 2.347m^2 nêu trên có 1.058m^2 đã được Công ty TNHH DongSung Vina (760m^2) và Công ty TNHH Samju Vina (298m^2) ký thỏa thuận thuê, ứng trước tiền thuê đất cho Ban quản lý KCN vào tháng 9 và tháng 10/2013, nhưng do phần diện tích này không được hoàn thành nên Ban quản lý KCN đã phải trả lại số tiền doanh nghiệp đã ứng trước tương ứng với phần diện tích thỏa thuận thuê 1.058m^2 là 675.004.000 đồng. Tính đến khi vụ việc được phát hiện (tháng 01/2021), Nhà nước đã bị thất thu số tiền thuê đất đối với phần diện tích này là 07 năm, tính theo đơn giá thuê đất có hạ tầng năm 2014 (đơn giá $870.000\text{đ}/\text{m}^2$) là 285.864.600 đồng. Tổng giá trị gây thiệt hại cho Nhà nước là 1.561.623.114đ (gồm các khoản: 1.275.758.514 đồng + 285.864.600 đồng).

Với hành vi và hậu quả như phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Mạnh C về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan như kháng cáo của bị cáo.

[2.2]. Đối với tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”:

Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án xây dựng KCN ĐT - Khu A, để có nguồn vốn thực hiện Dự án, Phan Mạnh C - Trưởng Ban quản lý KCN đã ký Công văn số 299/BQL-VP ngày 17/6/2013 gửi UBND tỉnh Thái Nguyên đề xuất các chủ trương về sử dụng số tiền ứng trước tiền thuê đất và cho nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào KCN ĐT phần diện tích 180ha được trừ toàn bộ số tiền ứng trước tiền thuê đất có hạ tầng.

Trên cơ sở đề nghị của Ban quản lý KCN, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đã ký Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 21/6/2013 gửi Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên xin ý kiến về chủ trương trên (chỉ xin ý kiến về chủ trương thứ nhất) và được Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên đồng ý tại Thông báo số 866-TB/TU ngày 25/6/2013 của Văn phòng Tỉnh ủy. Trên cơ sở đó, ông Dương Ngọc L3 đã ký Văn bản số 1278/UBND-TH ngày 28/6/2013, cho ý kiến với 04 nội dung theo tiến độ thực hiện Dự án, trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2019, căn cứ đề nghị của Ban quản lý KCN và Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành 19 Quyết định giao đất cho Ban quản lý KCN để xây dựng KCN ĐT (Khu A), thời hạn giao đất là 50 năm. Trong tất cả các quyết định giao đất đều ghi: Ban quản lý KCN phải chấp hành đầy đủ chế độ sử dụng đất theo luật định. Theo đó, Ban quản lý KCN được UBND tỉnh Thái Nguyên giao đất không thu tiền sử dụng đất để đầu tư xây dựng công trình.

Đồng thời, trên cơ sở tham mưu của Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành 05 Quyết định phê duyệt đơn giá thuê đất trả tiền một lần để làm căn cứ tính tiền thuê đất có hạ tầng trả tiền một lần cho cả thời gian thuê 50 năm tại KCN ĐT (Khu A). Cụ thể các quyết định có các mức giá như sau:

- Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 11/10/2012, mức giá 638.000đ/m²/50năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2013.

- Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 06/3/2014, mức giá 870.000đ/m²/50 năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2014.

- Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 14/7/2016, mức giá 870.000đ/m²/50 năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2016.

- Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 23/02/2017, mức giá 1.080.000đ/m²/50 năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2017.

- Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 22/5/2018, mức giá 1.080.000đ/m²/50 năm. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2018.

Trong các quyết định trên đều ghi: Mức giá trên là căn cứ để các cơ quan, đơn vị có liên quan tính toán tiền thuê đất tại KCN ĐT (Khu A) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2019, theo đề nghị của các nhà đầu tư, Ban quản lý KCN đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 60 nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư tại KCN ĐT (Khu A). Trước đó, Ban quản lý KCN đã ký thỏa thuận với các nhà đầu tư nộp tiền ứng trước tiền thuê đất có hạ tầng 50 năm nộp một lần khi đầu tư vào KCN ĐT (Khu A) cho Ban quản lý. Số tiền ứng trước được Ban quản lý tính với nhà đầu tư trên cơ sở giá thuê đất có hạ tầng vào thời điểm thỏa thuận, vị trí và diện tích lô đất mà nhà đầu tư đăng ký thuê. Sau khi được UBND tỉnh Thái Nguyên giao đất, Ban quản lý KCN đã ký hợp đồng cho thuê lại đất, trong đó có 09 nhà đầu tư.

Trong các Biên bản thỏa thuận ký với các nhà đầu tư nêu trên, có các Biên bản ký với các công ty: Công ty TNHH COREA ELECTRIC TERMINAL và Công ty TNHH MaNi Hà Nội đều ký ngày 27/7/2015, Công ty TNHH SS NEWTECH ký ngày 07/10/2015, Công ty TNHH KCSOL TECH ký ngày 16/12/2015 và ký với Ông Lee Chun B2 ngày 15/3/2016. Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá đất của UBND tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 06/3/2014, thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2014) không còn hiệu lực áp dụng tại thời điểm ký Biên bản thỏa thuận để tính số tiền ứng trước với các nhà đầu tư.

Như vậy, có căn cứ xác định các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2 đã nhận thức rất rõ việc ký hợp đồng cho thuê lại đất tại KCN ĐT (Khu A) phải tuân thủ quy định của Luật đất đai hiện hành (Luật Đất đai 2013, có hiệu lực từ ngày 01/7/2014) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong đó, khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai 2013 quy định căn cứ, thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, nhưng các bị cáo vẫn không thực hiện theo quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo được thể hiện như sau:

- Các bị cáo Phan Mạnh C và Mã Văn H2 biết rất rõ là không được phép lấy mức giá cho thuê đất năm 2013 đã hết hiệu lực áp dụng (được phê duyệt tại Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 11/10/2012, với mức giá 638.000đ/m²/50 năm; thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2013) làm mức giá để ký hợp đồng cho thuê đất tại thời điểm ký hợp đồng năm 2014. Mặc dù, UBND tỉnh Thái Nguyên không có văn bản chấp thuận việc này, nhưng Phan Mạnh C vẫn chỉ đạo Mã Văn H2 soạn thảo và ký Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất ngày 26/11/2014 với Công ty SAMJU MULSAN Hàn Quốc và Hợp đồng ngày 29/11/2014 với Công ty TNHH DongSung Tech HK, đều với đơn giá 638.000 đồng/m²/50 năm. Trong hợp đồng, Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã không áp dụng mức giá cho thuê đất tại Quyết định phê duyệt giá đất của UBND tỉnh Thái Nguyên còn hiệu

lực, mà áp dụng mức giá cho thuê đất tại Quyết định phê duyệt giá đất không còn hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng.

- Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã ký 06 Hợp đồng vào năm 2017; ký 01 Hợp đồng vào năm 2018 cho thuê lại quyền sử dụng đất, với mức giá cho thuê đất tại Quyết định phê duyệt giá đất không còn hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng.

- Trong 09 Biên bản thỏa thuận ký với các nhà đầu tư trong vụ án, có 05 Biên bản ký với các Công ty (gồm: Công ty TNHH KOREA ELECTRIC TERMINAL và Công ty TNHH MANI HÀ NỘI đều ký ngày 27/7/2015; Công ty TNHH SS NEWTECH ký ngày 07/10/2015; Công ty TNHH KCSOL TECH ký ngày 16/12/2015; Ký với Ông Lee Chun B2 ngày 15/3/2016). Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá đất của UBND tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 06/3/2014, thời gian thực hiện đến hết ngày 31/12/2014) không còn hiệu lực áp dụng tại thời điểm ký Biên bản thỏa thuận để tính số tiền ứng trước với các nhà đầu tư.

Xuất phát từ việc các bị cáo đã áp dụng mức giá không còn hiệu lực ngay từ khi ký biên bản thỏa thuận đến khi ký Hợp đồng cho thuê đất chính thức với các nhà đầu tư dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 46.687.673.110 đồng.

Lý giải cho việc ký kết hợp đồng với 09 Công ty theo mức giá tại các biên bản thỏa thuận, Phan Mạnh C và Mã Văn H2 cho rằng đã làm theo đúng chủ trương, chỉ đạo tại Văn bản số 1278/UBND-TH ngày 28/6/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, đối chiếu với các nội dung trong văn bản thì việc các bị cáo hiểu và vận dụng thực hiện Văn bản số 1278/UBND-TH là không đúng với chủ trương và chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Nguyên, vì tại nội dung thứ 4 của Văn bản số 1278 đã nêu rõ: *“4. Giao BQL các KCN tỉnh chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan trên cơ sở các quy định hiện hành để tổ chức thực hiện chủ trương trên đạt hiệu quả tốt nhất”*. Tại Kết luận giám định số 3452/KL-TGD ngày 13/9/2022 của Tổ giám định tư pháp Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên đã kết luận: Ban quản lý KCN Thái Nguyên áp dụng đơn giá thuê đất tại các Quyết định phê duyệt giá đất không còn hiệu lực tại thời điểm ký Hợp đồng thuê đất được xác định tại 07 Hợp đồng thuê đất (với 07 tổ chức thuê đất) đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 35.482.690.510 đồng. Ngày 09/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định Trưng cầu giám định bổ sung và Tổ giám định tư pháp Sở Tài chính ban hành bản Kết luận giám định bổ sung số 556/KL-TGD ngày 27/02/2023, kết luận thêm thiệt hại đối với 02 Hợp đồng cho thuê đất với tổng số tiền là 11.204.982.600 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền mà các bị cáo Phan Mạnh C và Mã Văn H2 đã thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 46.687.673.110 đồng.

[2.3]. Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2: Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị

cáo Phan Mạnh C có đủ yếu tố cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản Nhà nước” và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo khoản 2 Điều 179 và khoản 3 Điều 219 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Mã Văn H2 đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Phan Mạnh C xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới: Bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường thiệt hại 781.011.557 đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm 35.232.462 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, xét bị cáo có vai trò chính, tính chất mức độ thiệt hại cho Nhà nước do hành vi của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như ý kiến của các luật sư bào chữa cho bị cáo.

[2.4]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo là người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát chủ đầu tư đối với hạng mục: San lấp mặt bằng, mở rộng lô CN3 diện tích 4,5ha, biết công trình còn phần diện tích, khối lượng không hoàn thành theo hồ sơ thiết kế nhưng vẫn đồng ý nghiệm thu hoàn thành công trình gây thiệt hại cho Nhà nước, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” quy định tại khoản 2 Điều 179 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số tiền lớn và có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo tự nhận thức được hành vi của mình, cùng thực hiện hành vi phạm tội nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với tính chất là đồng phạm.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và xác định cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo T2 nhận thức pháp luật cho rằng không gây thiệt hại cho Nhà nước, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo đã nộp nộp phần khắc phục hậu quả; có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác; có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng 01 Huân Chương kháng chiến hạng nhất, 01 Huân Chương chiến công hạng nhất, 03 Huân Chương chiến sĩ vẻ vang và 01 Huân Chương chiến thắng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, v khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T2. Bị cáo Nguyễn Vũ H3 quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã nộp một phần tiền khắc phục hậu quả, bị cáo có bố đẻ được tặng

thưởng 04 Huân Chương chiến sỹ vẻ vang và 01 Huân Chương chiến công đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự bị cáo được hưởng. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nông Quốc T2 12 tháng tù, bị cáo Nguyễn Vũ H3 09 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới: bị cáo T2 tiếp tục nộp số tiền 432.939.477 đồng khắc phục hậu quả và tiền án phí sơ thẩm (bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ thiệt hại và tiền án phí sơ thẩm); bị cáo Nguyễn Vũ H3 tiếp tục nộp 100 triệu đồng khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 và ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo T2.

[2.5]. Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Samju Vina, Công ty TNHH Dongsung Vina, Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam, Công ty TNHH Mani Hà Nội, Công ty TNHH SS Newtech, Công ty TNHH KC Vina, Công ty TNHH Aju Vina, Công ty TNHH Newone Tech, Công ty TNHH WoojinQPD Vina không nhất trí với bản án sơ thẩm về việc buộc các Công ty phải hoàn trả số tiền chênh lệch về giá thuê đất để sung quỹ Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên nhân vụ án xuất phát từ hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2 trong việc ký kết các hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất đối với 09 Công ty nêu trên theo mức giá tại các biên bản thỏa thuận về mức giá tại thời điểm quyết định về giá đã hết hiệu lực mà không áp dụng mức giá tại thời điểm theo các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành về giá thuê đất đang có hiệu lực, dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 46.687.673.110 đồng, tuy nhiên, do các bị cáo chưa nắm vững các quy định của pháp luật, với mong muốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án mà không có mục đích tư lợi cá nhân dẫn đến việc 09 Công ty nêu trên được hưởng lợi từ việc tính giá thuê thấp hơn giá quy định của Nhà nước tại thời điểm ký hợp đồng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc 09 Công ty nêu trên phải hoàn trả số tiền chênh lệch về giá thuê đất để sung quỹ Nhà nước cụ thể đối với từng Công ty như bản án sơ thẩm quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của 09 Công ty nêu trên cũng như ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các Công ty.

[2.6]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H đề nghị xem xét số tiền 50 triệu đồng bà H đã nộp cho Công an tỉnh Thái Nguyên là để khắc phục hậu quả cho bị cáo Phan Mạnh C và kháng cáo của bà Lưu Thị D đề nghị xem xét số tiền 40 triệu đồng bà D đã nộp cho Công an tỉnh Thái Nguyên là để khắc phục hậu quả cho bị cáo Mã Văn H2, Hội đồng xét xử thấy: Tại trang 23 của bản án sơ thẩm thể hiện quá trình điều tra, truy tố, bà Đặng Thị H (là

vợ bị cáo Phan Mạnh C) đã tự nguyện nộp số tiền 50 triệu đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo C (đối với tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”), bà Lưu Thị D (là vợ bị cáo Mã Văn H2) đã tự nguyện nộp số tiền 40 triệu đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H2, tuy nhiên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại chưa ghi nhận nội dung này là thiếu sót. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, bà D; sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận số tiền 50 triệu đồng bà Đặng Thị H đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Phan Mạnh C, số tiền 40 triệu đồng bà Lưu Thị D đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Mã Văn H2.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy vụ án xảy ra đã lâu, để đảm bảo tình trật tự tại địa phương cũng như ổn định bản án, Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm, chỉ sửa phần ghi nhận số tiền bà Đặng Thị H, bà Lưu Thị D đã nộp để khắc phục hậu quả cho các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Samju Vina, Công ty TNHH Dongsung Vina, Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam, Công ty TNHH Mani Hà Nội, Công ty TNHH SS Newtech, Công ty TNHH KC Vina, Công ty TNHH Aju Vina, Công ty TNHH Newone Tech, Công ty TNHH WoojinQPD Vina phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

- Bà Đặng Thị H và bà Lưu Thị D kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

I. - Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3;

- Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Samju Vina, Công ty TNHH Dongsung Vina, Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam, Công ty TNHH MaNi Hà Nội, Công ty TNHH SS Newtech, Công ty TNHH KC Vina, Công ty TNHH Aju Vina, Công ty TNHH New One Tech, Công ty TNHH WoojinQPD Vina;

- Chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H và bà Lưu Thị D;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về ghi nhận số tiền bà Đặng Thị H nộp khắc phục cho bị cáo Phan Mạnh C, số tiền bà Lưu Thị D nộp khắc phục cho bị cáo Mã Văn H2; cụ thể như sau:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 179; khoản 3 Điều 219; điểm s, v khoản 1 Điều 51 (áp dụng đối với cả hai tội); Điều 38; Điều 41; khoản 1 Điều 54 (đối với tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”); Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Mạnh C.

- Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 219, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 41 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mã Văn H2;

- Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 179; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Quốc T2;

- Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 179, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 41 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Vũ H3;

- Áp dụng Điều 579, Điều 580, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 128, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269, Điều 299, Điều 326, Điều 327, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố:

- Bị cáo Phan Mạnh C phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”;

- Bị cáo Mã Văn H2 phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”;

- Các bị cáo Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”;

3. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Phan Mạnh C 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước” và 09 (Chín) năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 10 (Mười) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2022.

- Xử phạt bị cáo Mã Văn H2 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/01/2022.

- Xử phạt bị cáo Nông Quốc T2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ H3 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

4. Về hình phạt bổ sung:

- Cấm bị cáo Phan Mạnh C đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc trong quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong thời hạn 03 (Ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Cấm bị cáo Mã Văn H2, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3 đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc trong quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong thời hạn 02 (Hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Về trách nhiệm dân sự:

5.1. Đối với thiệt hại trong tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”: Buộc các bị cáo Phan Mạnh C, Nông Quốc T2 và Nguyễn Vũ H3 phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền được xác định là 1.561.623.114 đồng. Trong đó:

- Phan Mạnh C phải bồi thường số tiền 780.811.557đ (Bảy trăm tám mươi triệu tám trăm mười một nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng) (tương ứng với 50% trên thiệt hại);

- Nông Quốc T2 phải bồi thường số tiền 468.486.934đ (Bốn trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng) (tương ứng với 30% trên tổng thiệt hại);

- Nguyễn Vũ H3 phải bồi thường với số tiền 312.324.623đ (Ba trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng) (tương ứng với 20% trên tổng thiệt hại).

Trong quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo Nông Quốc T2 đã tự nguyện nộp số tiền 60.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Vũ H3 đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo Phan Mạnh C đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo Mã Văn H2 đã tự nguyện nộp số tiền 40.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; số tiền này được trừ vào khoản tiền mà các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

5.2. Đối với thiệt hại trong tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”:

Buộc 09 công ty (có tên trong danh sách dưới đây) phải nộp hoàn trả lại khoản tiền chênh lệch về giá thuê đất để sung quỹ nhà nước, theo bảng kê cụ thể là:

STT	Tên Doanh nghiệp ký hợp đồng thuê đất	Ngày ký hợp đồng	Mức giá trong hợp đồng (đồng)	Giá thuê đất theo QĐ của UBND tỉnh (đồng)	Diện tích (m ²)	Số tiền thiệt hại (đồng)
1	Công ty TNHH SAMJU VINA	26/11/2014	638.000	870.000	19.371,5622	4.494.202.430
2	Công ty TNHH DONGSUNG VI NA	29/11/2014	638.000	870.000	15.507,44	3.597.726.080
3	Công ty TNHH KOREA ELECTRIC TERMINAL VIỆT NAM	30/05/2017	870.000	1.080.000	41.357,06	8.684.982.600
4	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	22/03/2017	870.000	1.080.000	80.432,2	16.890.762.000
5	Công ty TNHH SS NEWTECH	26/04/2017	870.000	1.080.000	20.000	4.200.000.000
6	Công ty TNHH KC VINA	12/09/2017	870.000	1.080.000	5.000	1.050.000.000
7	Công ty TNHH AJU VINA	26/04/2017	870.000	1.080.000	15.000	3.150.000.000
8	Công ty TNHH NEW ONE TECH	26/05/2017	870.000	1.080.000	10.000	2.100.000.000
9	Công ty WOJINQPD VINA	.../12/2018	870.000	1.080.000	12.000	2.520.000.000
	Tổng cộng					46.687.673.110

II. Về án phí phúc thẩm:

- Các bị cáo Phan Mạnh C, Mã Văn H2, Nông Quốc T2, Nguyễn Vũ H3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm;

- Bà Đặng Thị H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả bà H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000075 ngày 05/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Lưu Thị D không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả bà D 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000074 ngày 05/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH Samju Vina phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000072 ngày 02/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH Dongsung Vina phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000068 ngày 02/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH Korea Electric Terminal Việt Nam phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000069 ngày 02/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH Mani Hà Nội phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000070 ngày 02/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH SS New Tech phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000076 ngày 05/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH KC Vina phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000077 ngày 05/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH Aju Vina phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000071 ngày 02/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH WoojinQPD Vina phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000073 ngày 02/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH New One Tech phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000079 ngày 05/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

III. Ghi nhận:

- Bị cáo Phan Mạnh C đã nộp khắc phục hậu quả và án phí sơ thẩm số tiền 781.011.557đ (Bảy trăm tám mươi một triệu không trăm mười một nghìn năm trăm lẻ mười bảy đồng) đồng tại Biên lai số 0000427 ngày 05/4/2024 và số tiền 35.232.462đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng) tại Biên lai số 0000054 ngày 07/6/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Bị cáo Nông Quốc T2 đã nộp khắc phục hậu quả và án phí sơ thẩm số tiền 222.939.477đ (Hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm

bảy mươi bảy đồng) tại Biên lai số 0000438 ngày 16/4/2024 và số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) tại Biên lai số 0000447 ngày 06/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Bị cáo Nguyễn Vũ H3 đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tại Biên lai số 0000181 ngày 30/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

IV. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- TTG Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo C, Mã Văn H2 (qua TTG);
- Các bị cáo T2, Nguyễn Vũ H3 (theo đ/c);
- Những người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học